

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Nguyễn Thị Minh Châu
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Thị Nga**

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ
PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐIỆN HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : NGUYỄN THỊ MINH CHÂU
Giảng viên hướng dẫn: THS. PHẠM THỊ NGA**

HẢI PHÒNG – 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Minh Châu

Mã SV: 1512404011

Lớp: QT1902K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Công nghiệp điện Hải Phòng.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Các văn bản của nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Số liệu về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Công Nghiệp Điện Hải Phòng.
- Hệ thống sổ, phiếu, HĐ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Công nghiệp điện Hải Phòng, sử dụng số liệu năm 2017.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

- Công ty Cổ phần Công Nghiệp Điện Hải Phòng.
- Địa chỉ: Số 3km 92 đường 5 mới, P.Hùng Vương,Q.Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Phạm Thị Nga

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Điện Hải Phòng.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Minh Châu

ThS. Phạm Thị Nga

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: **Phạm Thị Nga**
Đơn vị công tác: Khoa QTKD – Đại học Dân lập Hải Phòng
Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thị Minh Châu Chuyên ngành: KTKT
Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD tại công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn:

- Tập hợp các vấn đề lý luận về kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp theo qui định chế độ kế toán hiện hành.
- Khảo sát thực trạng công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng.
- Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng và xây dựng các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán tại doanh nghiệp.

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Ý thức tốt.
- Hoàn thành bài đúng tiến độ

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- Khóa luận đã giải quyết được yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
- Số liệu minh họa chi tiết, rõ ràng.
- Các biện pháp đề xuất phù hợp với thực trạng phân tích.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 5 tháng 6 năm 2019

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Nga

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| LỜI MỞ ĐẦU | 1 |
| CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐIỆN HẢI PHÒNG | 2 |
| 1.1. Lý luận chung về doanh thu và kế toán doanh thu theo Thông tư 200 | 2 |
| 1.1.1. Khái niệm về doanh thu..... | 2 |
| 1.1.2. Nguyên tắc hạch toán doanh thu | 2 |
| 1.1.3. Các loại doanh thu và hạch toán các loại doanh thu | 3 |
| 1.1.3.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:..... | 3 |
| 1.1.3.2. Doanh thu hoạt động tài chính | 6 |
| 1.1.3.3. Các khoản giảm trừ doanh thu | 8 |
| 1.1.3.4. Thu nhập khác | 11 |
| 1.2. Lý luận chung về chi phí và kế toán chi phí trong doanh nghiệp theo Thông tư 200..... | 13 |
| 1.2.1. Khái niệm về chi phí..... | 13 |
| 1.2.2. Một số quy định khi hạch toán chi phí..... | 13 |
| 1.2.3. Phương pháp hạch toán các loại chi phí sử dụng trong doanh nghiệp... .. | 14 |
| 1.2.3.1. Chi phí giá vốn hàng bán | 14 |
| 1.2.3.2. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp..... | 18 |
| 1.2.3.3. Chi phí hoạt động tài chính | 20 |
| 1.2.3.4. Chi phí hoạt động khác | 22 |
| 1.2.3.5. Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp..... | 24 |
| 1.3. Xác định kết quả kinh doanh | 24 |
| 1.3.1. Khái niệm: | 24 |
| 1.3.2. Cách xác định kết quả kinh doanh: | 24 |
| 1.3.3. Chứng từ sử dụng: | 24 |
| 1.3.4. Tài khoản sử dụng: | 24 |
| 1.3.5. Phương pháp hạch toán..... | 25 |
| 1.4. Các hình thức, sổ kế toán sử dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh | 26 |
| 1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung | 26 |
| 1.4.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái..... | 27 |
| 1.4.3. Hình thức Nhật ký - chứng từ | 28 |

| | |
|---|-----------|
| 1.4.4. Hình thức Chứng từ - ghi sổ | 29 |
| 1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính..... | 30 |
| CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐIỆN HẢI PHÒNG..... | 31 |
| 2.1 Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng..... | 31 |
| 2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng..... | 31 |
| 2.1.2 Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng..... | 32 |
| 2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng | 32 |
| 2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng | 35 |
| 2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng..... | 41 |
| 2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 41 |
| 2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán | 52 |
| 2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp..... | 6 |
| 2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng | 16 |
| 2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính..... | 16 |
| 2.2.4.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính..... | 21 |
| 2.2.5 Kế toán doanh thu và chi phí khác tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng | 21 |
| 2.2.5.1. Kế toán doanh thu khác | 21 |
| 2.2.5.2. Kế toán chi phí khác | 21 |
| 2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh..... | 27 |
| CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐIỆN HẢI PHÒNG | 40 |
| 3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả nói riêng tại công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng | 40 |

| | |
|---|-----------|
| 3.1.1 Ưu điểm | 40 |
| 3.1.2. Hạn chế | 41 |
| 3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng. | 42 |
| 3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng..... | 43 |
| 3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng. | 43 |
| 3.4.1 Kiến nghị 1 : Mở sổ chi tiết doanh thu , chi phí | 43 |
| 3.4.2 Kiến nghị 2: Ứng dụng công nghệ thông tin kế toán máy theo hình thức nhật ký chung | 48 |
| 3.4.3 Kiến nghị 3: Hoàn thiện công tác tổ chức bộ máy kế toán | 51 |
| 3.4.4 Kiến nghị 4: Thay đổi phương pháp hạch toán giá vốn | 52 |
| 3.5 Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng | 52 |
| 3.5.1 Về phía Nhà nước | 52 |
| 3.5.2 Về doanh nghiệp..... | 53 |
| KẾT LUẬN | 54 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 55 |

DANH MỤC SƠ ĐỒ

| | |
|--|----|
| Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 5 |
| Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính | 7 |
| Sơ đồ 1.3: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu..... | 10 |
| Sơ đồ 1.4 : Kế toán thu nhập khác | 12 |
| Sơ đồ 1.5: Kế toán giá vốn hàng bán | 17 |
| Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp | 19 |
| Sơ đồ 1.7: Kế toán chi phí tài chính..... | 21 |
| Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí hoạt động khác | 23 |
| Sơ đồ 1.9: Kế toán xác định kết quả kinh doanh..... | 25 |
| Sơ đồ 1.10.Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung | 26 |
| Sơ đồ 1.11.Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái..... | 27 |
| Sơ đồ 1.12.Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ . | 28 |
| Sơ đồ 1.13.Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ - ghi sổ.. | 29 |
| Sơ đồ 1.14.Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy | 30 |
| Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng | 33 |
| Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng | 36 |
| Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán..... | 40 |
| Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng. | 41 |
| Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng. | 52 |
| Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng | 6 |
| Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng | 16 |

DANH MỤC BẢNG BIỂU

| | |
|---|----|
| Biểu số 2.1. Hóa đơn GTGT số HĐ 0001446 | 43 |
| Biểu số 2.2. Phiếu thu số 12-043 | 44 |
| Biểu số 2.3. Hóa đơn GTGT số HĐ 0001480 | 46 |
| Biểu số 2.4. Giấy báo có của Ngân hàng TECHCOMBANK Hải Phòng..... | 47 |
| Biểu số 2.5. Hóa đơn GTGT số HĐ 0001522 | 49 |
| Biểu số 2.6 Trích sổ nhật ký chung..... | 50 |
| Biểu số 2.7. Trích sổ cái TK 511 | 51 |
| Biểu số 2.8. Phiếu xuất kho số 12-010..... | 54 |
| Biểu số 2.9. Phiếu xuất kho số 12-023..... | 2 |
| Biểu số 2.10. Trích sổ nhật ký chung..... | 4 |
| Biểu số 2.11. Trích sổ cái TK 632 | 5 |
| Biểu số 2.12. Hóa đơn GTGT số HĐ 0001350 | 8 |
| Biểu số 2.13. Phiếu chi số 12-40 | 9 |
| Biểu số 2.14. Hóa đơn GTGT số HĐ0001442 | 11 |
| Biểu số 2.15. Phiếu chi số 12-55 | 12 |
| Biểu 2.16. Trích sổ nhật ký chung | 13 |
| Biểu số 2.17. Trích sổ cái TK 641 | 14 |
| Biểu số 2.18. Trích sổ cái TK 642 | 15 |
| Biểu số 2.19 . Giấy báo Có của ngân hàng Techcombank | 18 |
| Biểu số 2.20 . Trích sổ nhật ký chung..... | 19 |
| Biểu số 2.21. Trích sổ cái TK 515 | 20 |
| Biểu số 2.22. Hóa đơn GTGT số HĐ 0001492 | 23 |
| Biểu số 2.23. Phiếu chi số 12-47 | 24 |
| Biểu số 2.24 . Trích sổ nhật ký chung..... | 25 |
| Biểu số 2.25. Trích sổ cái TK 811 | 26 |
| Biểu số 2.26. Phiếu kế toán số 32 | 30 |
| Biểu số 2.27. Phiếu kế toán số 33 | 31 |
| Biểu số 2.28. Phiếu kế toán số 34..... | 32 |
| Biểu số 2.29. Phiếu kế toán số 35 | 33 |
| Biểu số 2.30. Phiếu kế toán số 36 | 34 |
| Biểu số 2.31. Trích sổ nhật ký chung | 35 |
| Biểu số 2.32. Trích Sổ cái TK 911 | 36 |
| Biểu số 2.33. Trích sổ cái TK 821 | 37 |
| Biểu số 2.34. Trích sổ cái TK 421 | 38 |

| | |
|--|----|
| Biểu số 2.35. Bảng báo cáo kết quả kinh doanh..... | 39 |
| Biểu số 3.1 Sổ chi tiết bán hàng | 44 |
| Biểu số 3.2 Sổ chi phí sản xuất kinh doanh | 45 |
| Biểu số 3.4 Sổ chi phí sản xuất kinh doanh | 47 |
| Biểu số 3.3 Sổ chi tiết bán hàng | 46 |

LỜI MỞ ĐẦU

Mỗi doanh nghiệp là một mắt xích quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, sự phát triển của doanh nghiệp góp phần đảm bảo cho nền kinh tế phồn vinh thịnh vượng. Nền kinh tế thị trường của nước ta trong những năm gần đây đã đạt được những bước tiến vững mạnh và ngày càng có nhiều doanh nghiệp thích ứng được với các quy luật của nền kinh tế và hoạt động đạt hiệu quả cao. Có được những thành tựu đó là nhờ sự nỗ lực không ngừng của mỗi doanh nghiệp ở tất cả các khâu từ sản xuất, lưu thông phân phối và tiêu thụ, trong đó không thể không kể đến công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh góp phần phản ánh và cung cấp chính xác, kịp thời những thông tin cho các cấp lãnh đạo của doanh nghiệp để có căn cứ đưa ra các quyết định, chính sách và biện pháp phù hợp để tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đạt hiệu quả cao hơn. Công ty Cổ phần Công nghiệp Điện Hải Phòng cũng không nằm ngoài quy luật đó.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời, dựa trên cơ sở kiến thức tích lũy được trong thời gian học tập ở trường cũng như các kinh nghiệm học hỏi trong quá trình thực tập, em đã mạnh dạn chọn đề tài: ***“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Công nghiệp Điện Hải Phòng”*** làm đề tài khóa luận của mình.

Kết cấu bài khóa luận của em bao gồm 03 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng.

Do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn Thạc sĩ Phạm Thị Nga, các thầy cô trong khoa và các cô chú, anh chị trong phòng kế toán của Công ty đã tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành đề tài này.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1**CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.****1.1. Lý luận chung về doanh thu và kế toán doanh thu theo Thông tư 200****1.1.1: Khái niệm về doanh thu**

- Khái niệm:

Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

1.1.2: Nguyên tắc hạch toán doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).
- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.
- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.
- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá.
- Đối với trường hợp cho thuê hoạt động tài sản, bất động sản đầu tư có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

1.1.3. Các loại doanh thu và hạch toán các loại doanh thu

1.1.3.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

- Khái niệm:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và chi phí thu ngoài giá bán (nếu có)

Theo chuẩn mực kế toán số 14 doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hàng hóa cho người mua.
 - Doanh nghiệp không nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
 - Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng :
- + Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp: Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.
 - + Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi.

+ Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.

+ Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

- Tài khoản sử dụng :

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm :

Tài khoản 5111- Doanh thu bán hàng hóa

Tài khoản 5112- Doanh thu bán các thành phẩm

Tài khoản 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tài khoản 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá.

Tài khoản 5117- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

Tài khoản 5118- Doanh thu khác.

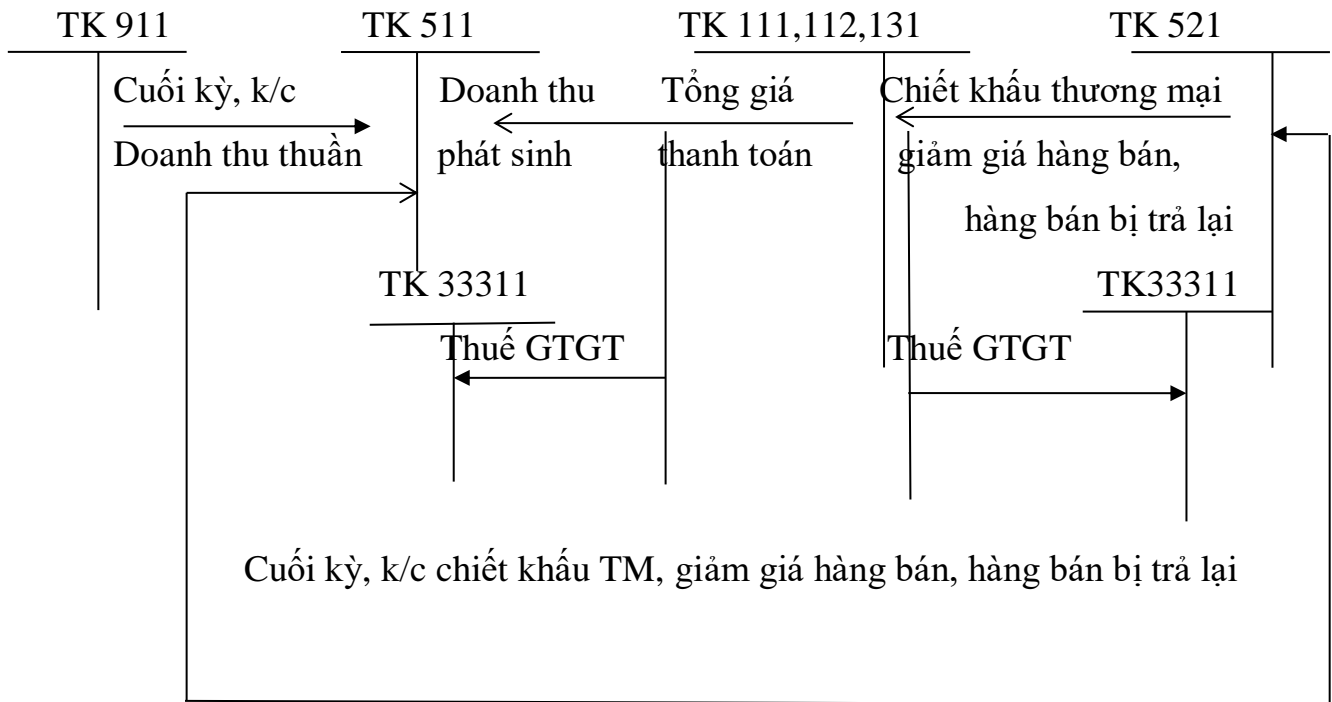
- Chứng từ và sổ sách sử dụng :

Tùy theo phương thức bán hàng, phương thức thanh toán, kế toán bán hàng sử dụng các chứng từ, sổ sách kế toán như sau:

- Hóa đơn bán hàng thông thường, Hóa đơn GTGT.
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc thanh toán, Ủy nhiệm thu, Giấy báo Có của ngân hàng).
- Chứng từ liên quan khác: Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại,...

- Phương pháp hạch toán :

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ 1.1



Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.1.3.2. *Doanh thu hoạt động tài chính*

- **Khái niệm:**

Là những khoản doanh thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại, bao gồm: tiền lãi, cổ tức được hưởng, lợi nhuận chia từ hoạt động liên quan, liên kết, lãi chuyển nhượng vốn, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và các khoản khác.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia ghi nhận trên cơ sở:

- + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ
- + Tiền lãi bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng
- + Cổ tức và lợi nhuận được chia ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

- **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính, dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

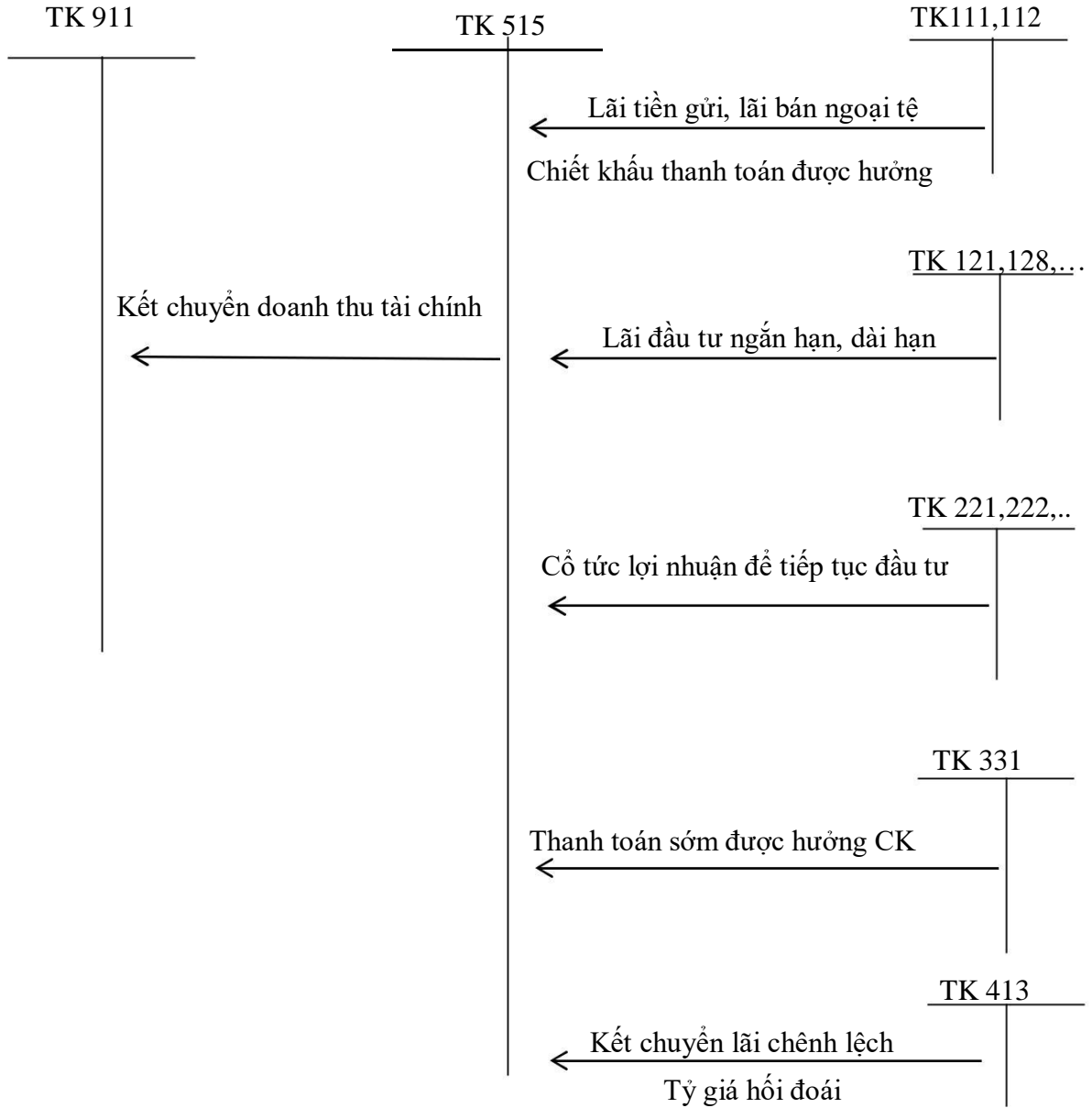
Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm,...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia:
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, liên doanh, đầu tư, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vốn khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

- **Chứng từ sử dụng:**

- Giấy bảo lãi, giấy báo có của Ngân hàng
- Bản sao kê của Ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu và các chứng từ có liên quan khác

- Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

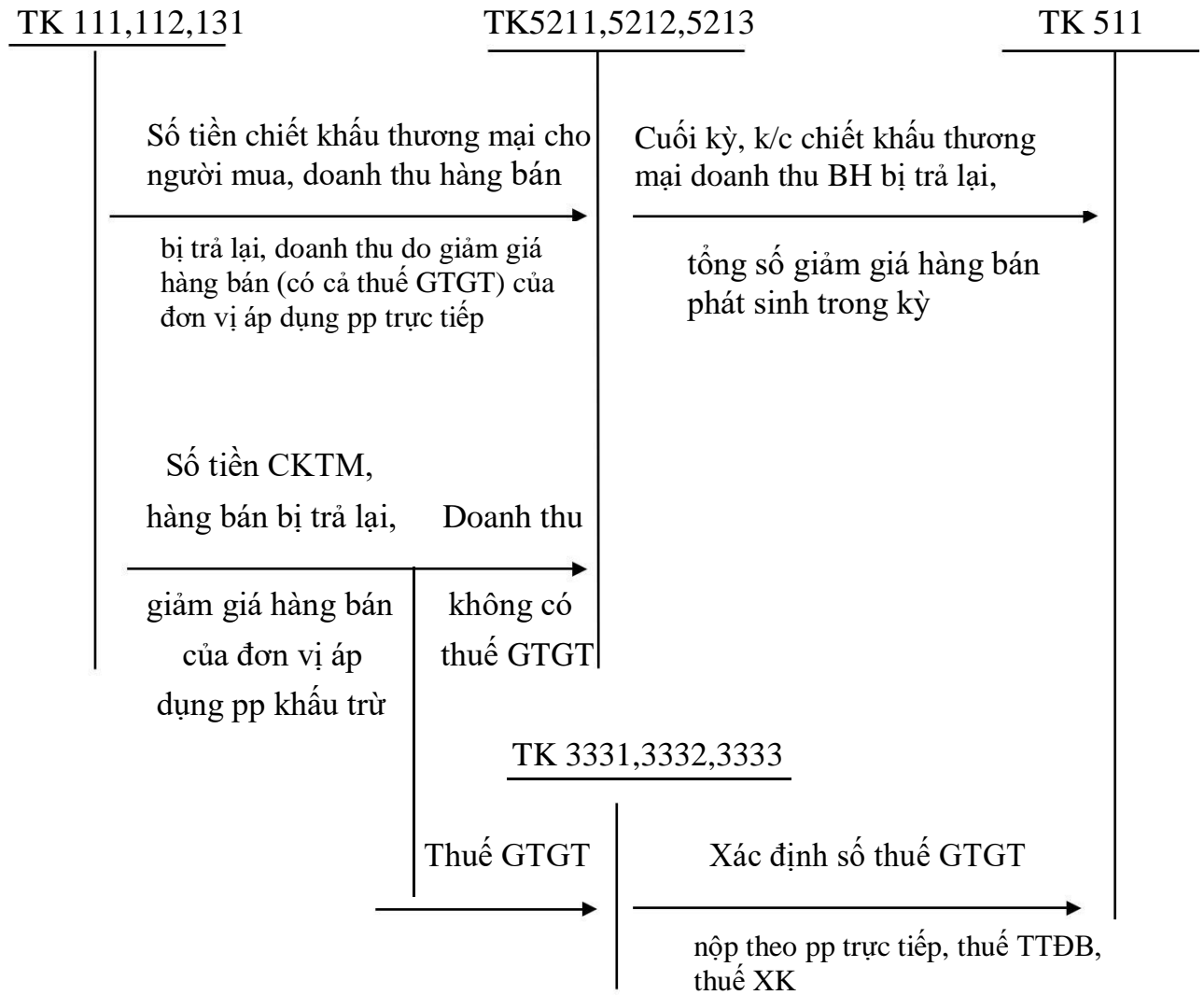
1.1.3.3. Các khoản giảm trừ doanh thu

- **Khái niệm:**
 - Các khoản giảm trừ doanh thu là những khoản phát sinh được điều chỉnh làm giảm doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm và cung ứng dịch vụ của doanh nghiệp như: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế GTGT phải nộp theo phương thức trực tiếp và thuế xuất nhập khẩu. Các khoản giảm trừ doanh thu là cơ sở để tính doanh thu thuần và kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.
 - Chiết khấu thương mại là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do việc người mua hàng mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.
 - Hàng bán bị trả lại là số sản phẩm hàng hóa doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ, đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.
 - Giảm giá hàng bán là khoản tiền doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn... đã ghi trong hợp đồng.
 - Thuế GTGT phải nộp (Theo phương pháp trực tiếp): Thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp chưa tính thuế GTGT sẽ xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.
 - Thuế TTĐB: là khoản thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.
 - Thuế xuất khẩu: là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.
- **Tài khoản sử dụng**
 - Tài khoản 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:
 - Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại.
 - Tài khoản 5212 - Giá trị hàng bán bị trả lại.
 - Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán.

* *Một số quy định khi hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu:*

- Tài khoản này chỉ phản ánh khoản chiết khấu thương mại khi bán hàng được ghi trên hóa đơn hoặc các chứng từ khác liên quan đến bán hàng, chỉ phản ánh giá trị của số hàng bị trả lại đúng bằng số lượng hàng bị trả lại nhân đơn giá bán ghi trên hóa đơn và chỉ phản ánh các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá ngoài hóa đơn. Không hạch toán vào tài khoản này số giảm giá đã được ghi trong hóa đơn và đã được trừ vào tổng giá trị hàng bán ghi trên hóa đơn.
- Trong kỳ hạch toán, các khoản giảm trừ doanh thu thực tế phát sinh được phản ánh vào bên nợ tài khoản 521. Cuối kỳ, kết chuyển tổng số tiền giảm trừ doanh thu vào Tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần thực tế trong kỳ.
- Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn bán hàng thông thường, Hóa đơn GTGT.
 - Các chứng từ thanh toán : Phiếu thu, séc thanh toán, Ủy nhiệm thu, Giấy báo Có của ngân hàng.Chứng từ liên quan khác: Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại,...

- Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.3: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.1.3.4. Thu nhập khác

- Khái niệm:

Thu nhập khác là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu cho doanh nghiệp như các khoản nhận được khi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

Theo chuẩn mực kế toán số 14, thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động tạo ra doanh thu gồm:

- Thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Các khoản thu khác

- Tài khoản sử dụng:

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 711 - Thu nhập khác, dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Loại tài khoản này chỉ phản ánh các khoản thu nhập khác trong kỳ.

**Một số quy định khi hạch toán thu nhập khác:*

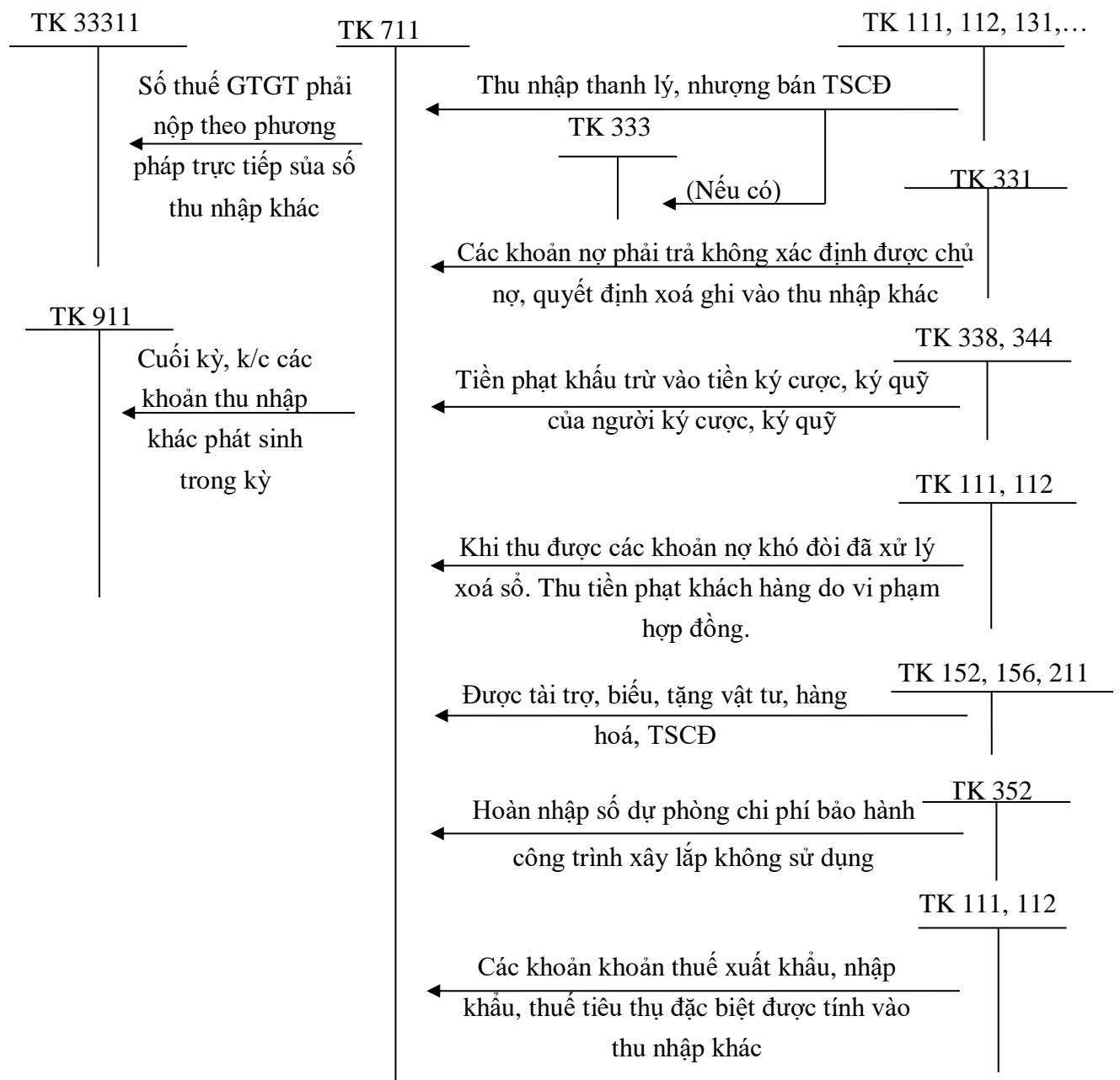
Nội dung của thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch lại do đánh giá vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư tài chính dài hạn khác; Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản là thuê tài chính;
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu nhập các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Một số khoản thuế được NSNN hoàn lại;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

- Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có của ngân hàng
- Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan...

• Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.4 : Kế toán thu nhập khác

1.2. Lý luận chung về chi phí và kế toán chi phí trong doanh nghiệp theo Thông tư 200

1.2.1. Khái niệm về chi phí

Chi phí là số tiền phải trả để thực hiện các hoạt động kinh tế như sản xuất, giao dịch,... nhằm mua được các hàng hóa, dịch vụ cần thiết cho quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Chi phí trong doanh nghiệp thương mại bao gồm:

+ Giá vốn bán hàng: Tài khoản 632.

+ Chi phí tài chính: Tài khoản 635.

+ Chi phí bán hàng: Tài khoản 641.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp: Tài khoản 642.

+ Chi phí khác: Tài khoản 811.

+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Tài khoản 821.

- Giá vốn bán hàng là giá trị hàng xuất kho. Giá vốn phụ thuộc vào phương pháp tính giá trị xuất kho của doanh nghiệp.

- Chi phí tài chính là các khoản chi phí phục vụ cho hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

- Chi phí bán hàng là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp là những chi phí hành chính và chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

- Chi phí khác là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

1.2.2. Một số quy định khi hạch toán chi phí

Mỗi doanh nghiệp, chỉ có thể áp dụng một trong hai phương pháp hạch toán hàng tồn kho, hoặc phương pháp kê khai thường xuyên, hoặc phương pháp kiểm kê định kỳ và được áp dụng nhất quán ít nhất trong một niên độ kế toán.

Đối với doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ: Cuối kỳ kế toán phải tiến hành kiểm kê để xác định giá trị thành phẩm, hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ. Trên cơ sở kết quả kiểm kê xác định giá trị hàng tồn kho đầu kỳ, cuối kỳ và giá trị vật tư, hàng hóa mua vào trong kỳ để xác định

trị giá vật tư, hàng xuất sử dụng trong quá trình sản xuất, kinh doanh và giá trị vốn của hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã xuất bán trong kỳ.

1.2.3. Phương pháp hạch toán các loại chi phí sử dụng trong doanh nghiệp

1.2.3.1. Chi phí giá vốn hàng bán

- Khái niệm:

Giá vốn hàng bán được hiểu đơn giản là toàn bộ chi phí để tạo ra một sản phẩm. Nó liên quan đến quá trình bán hàng bao gồm giá vốn hàng xuất kho, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Đối với doanh nghiệp sản xuất: Trị giá vốn của hàng xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa ra bán ngay chính là giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm xuất kho hoặc giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm hoàn thành. Giá vốn hàng bán thành phẩm xuất kho có thể xác định theo một trong các phương pháp sau: phương pháp bình quân gia quyền, phương pháp nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, phương pháp thực tế đích danh.
- Đối với doanh nghiệp thương mại: trị giá vốn của hàng hóa xuất kho để bán bao gồm trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán và chi phí thu mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

- Tài khoản sử dụng:

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán, phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ.

**Một số quy định khi hạch toán kế toán giá vốn hàng bán:*

Chi hạch toán giá vốn hàng bán khi các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ.

Các khoản chi phí phát sinh như khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt quá định mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình hoàn thành thì được hạch toán trực tiếp vào giá vốn hàng bán.

Theo chế độ kế toán hiện hành - Thông tư số 200/2014/TT-BTC và tùy theo đặc điểm kinh doanh, doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong bốn phương pháp sau để tính giá vốn cho hàng xuất bán, xuất dùng:

❖ Phương pháp bình quân gia quyền:

$$\text{Trị giá vốn hàng xuất kho} = \text{Lượng hàng xuất kho} \times \text{Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền}$$

Giá vốn bình quân gia quyền được tính:

+ Tính theo giá vốn đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ nghĩa là chỉ đến cuối kỳ kế toán tính giá đơn vị bình quân một lần theo công thức sau:

$$\text{Trị giá vốn hàng xuất kho} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Tổng trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Tổng lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ.

Nhược điểm: Độ chính xác không cao, hơn nữa, công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác. Ngoài ra, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

+ Tính giá vốn đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn)

$$\text{Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } i}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập } i}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

Theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn, kế toán chỉ được tính giá đơn vị bình quân sau lần nhập kế trước ngày xuất. Giữa các lần xuất trong tháng không có lần nhập xen kẽ thì đơn giá xuất không thay đổi.

Mỗi chủng loại hàng khác nhau phải tính giá cho từng mặt hàng tương ứng.

Tồn đầu kỳ coi như lần nhập đầu tiên trong tháng.

❖ Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):

Theo phương pháp này, sản phẩm, hàng hóa, vật tư nào nhập trước thì sẽ xuất trước, lấy đơn giá bằng đơn giá nhập. Trị giá thực tế của sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn tại cuối cùng được xác định bằng đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư những lần nhập cuối cùng.

Phương pháp này giúp cho chúng ta có thể tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán

ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

Tuy nhiên, phương pháp này có nhược điểm là làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Theo phương pháp này, doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hoá đã có được từ cách đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc sẽ tăng lên rất nhiều.

❖ Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này, giá trị vốn hàng hóa xuất kho được xác định dựa trên giả định khi xuất kho sản phẩm, hàng hóa, vật tư thì căn cứ vào đơn giá từng lần nhập, xuất hàng hóa thuộc lô nào thì lấy đơn giá của lô đó.

Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng thứ hàng hoá mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, chỉ những doanh nghiệp kinh doanh có ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới có thể áp dụng được phương pháp này. Còn đối với những doanh nghiệp có nhiều loại hàng thì không thể áp dụng được phương pháp này.

❖ Phương pháp giá bán lẻ:

Đây là phương pháp mới bổ sung theo thông tư 200/2014/TT-BTC.

Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác.

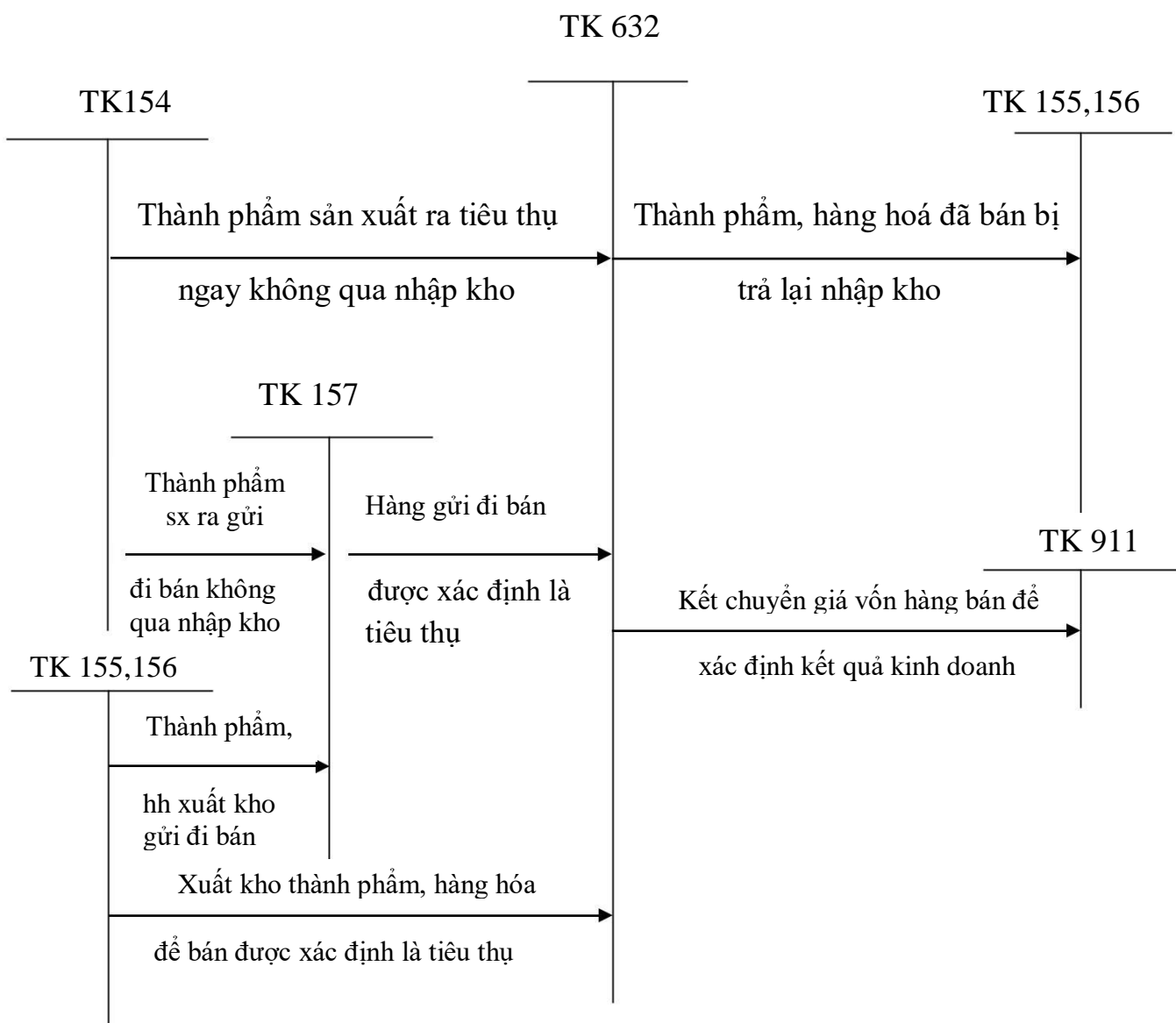
Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

Chi phí mua hàng trong kỳ được tính cho hàng tiêu thụ trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ. Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí mua hàng tùy thuộc tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp nhưng phải thực hiện theo nguyên tắc nhất quán.

Phương pháp giá bán lẻ được áp dụng cho một số đơn vị đặc thù (ví dụ như các đơn vị kinh doanh siêu thị hoặc tương tự).

Đặc điểm của loại hình kinh doanh siêu thị là chủng loại mặt hàng rất lớn, mỗi mặt hàng lại có số lượng lớn. Khi bán hàng, các siêu thị không thể tính ngay giá vốn của hàng bán vì chủng loại và số lượng các mặt hàng bán ra hàng ngày rất nhiều, lượng khách hàng đông. Vì vậy, các siêu thị thường xây dựng một tỷ lệ lợi nhuận biên trên giá vốn hàng mua vào để xác định ra giá bán hàng hóa (tức là doanh thu). Sau đó, căn cứ doanh số bán ra và tỷ lệ lợi nhuận biên, siêu thị sẽ xác định giá vốn hàng đã bán và giá trị hàng còn tồn kho.

- Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn mua hàng, hóa đơn GTGT.
 - Phiếu xuất kho.
- Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.5: Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.3.2. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

- Khái niệm:

- Chi phí bán hàng: là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bao gồm: chi phí bảo quản, chi phí quảng cáo, đóng gói, vận chuyển, giao hàng, bảo hành sản phẩm, hoa hồng bán hàng...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp, bao gồm: chi phí hành chính, tổ chức, văn phòng, các chi phí chung khác liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

- Chứng từ sử dụng

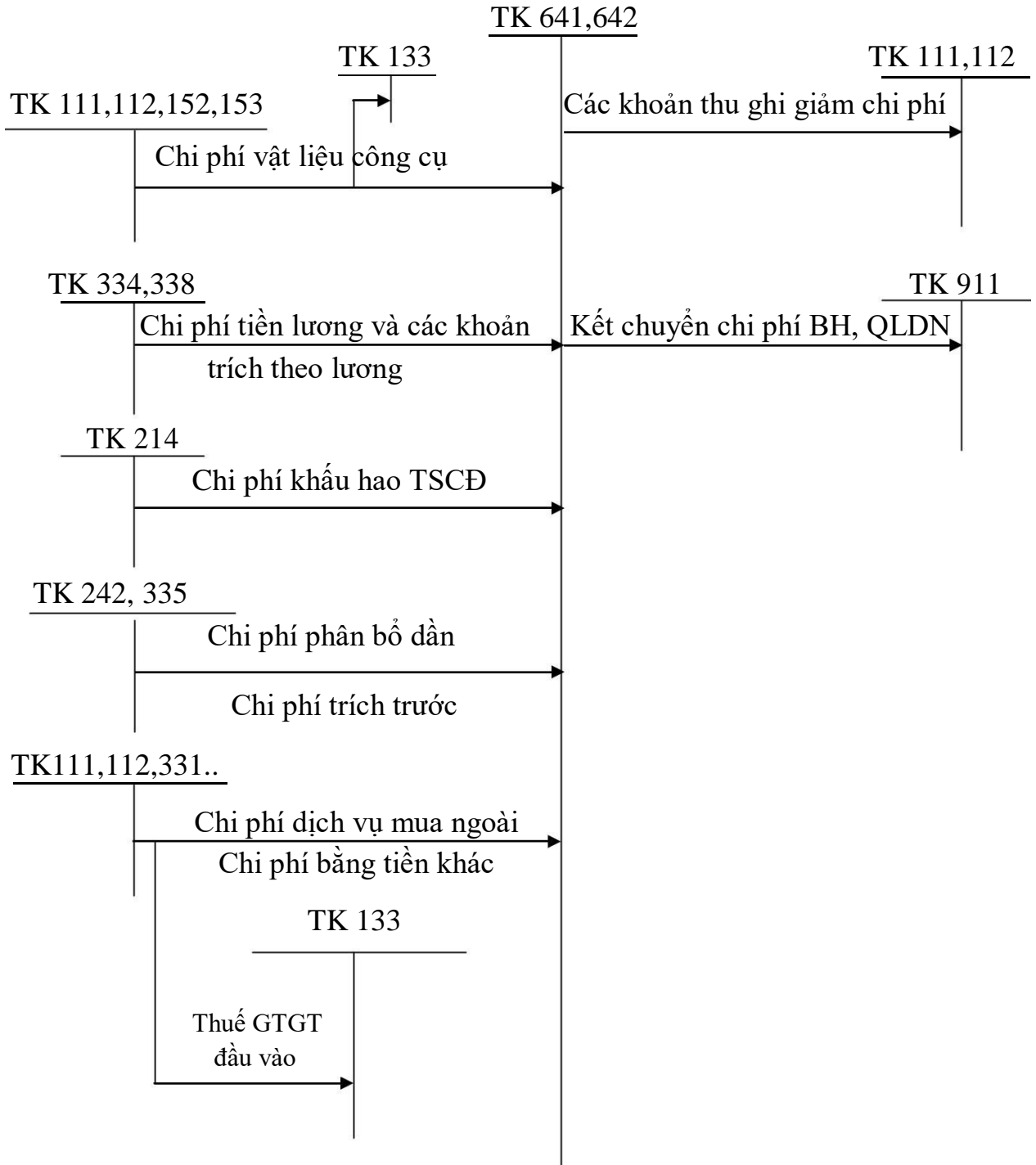
- Bảng tính và phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ.
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy bảo nợ.
- Các chứng từ liên quan khác.

- Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 641: Chi phí bán hàng
- Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ và có 7 tài khoản cấp 2:
 - + TK 6411: Chi phí nhân viên.
 - + TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
 - + TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
 - + TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ.
 - + TK 6415: Chi phí bảo hành.
 - + TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
 - + TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.
- Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- TK 642 không có số dư cuối kỳ và có 8 tài khoản cấp 2:
 - + TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
 - + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
 - + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
 - + TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.
 - + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.
 - + TK 6426: Chi phí dự phòng

- + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

• Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp

1.2.3.3. Chi phí hoạt động tài chính

- Khái niệm

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: các khoản chi phí hay các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ...

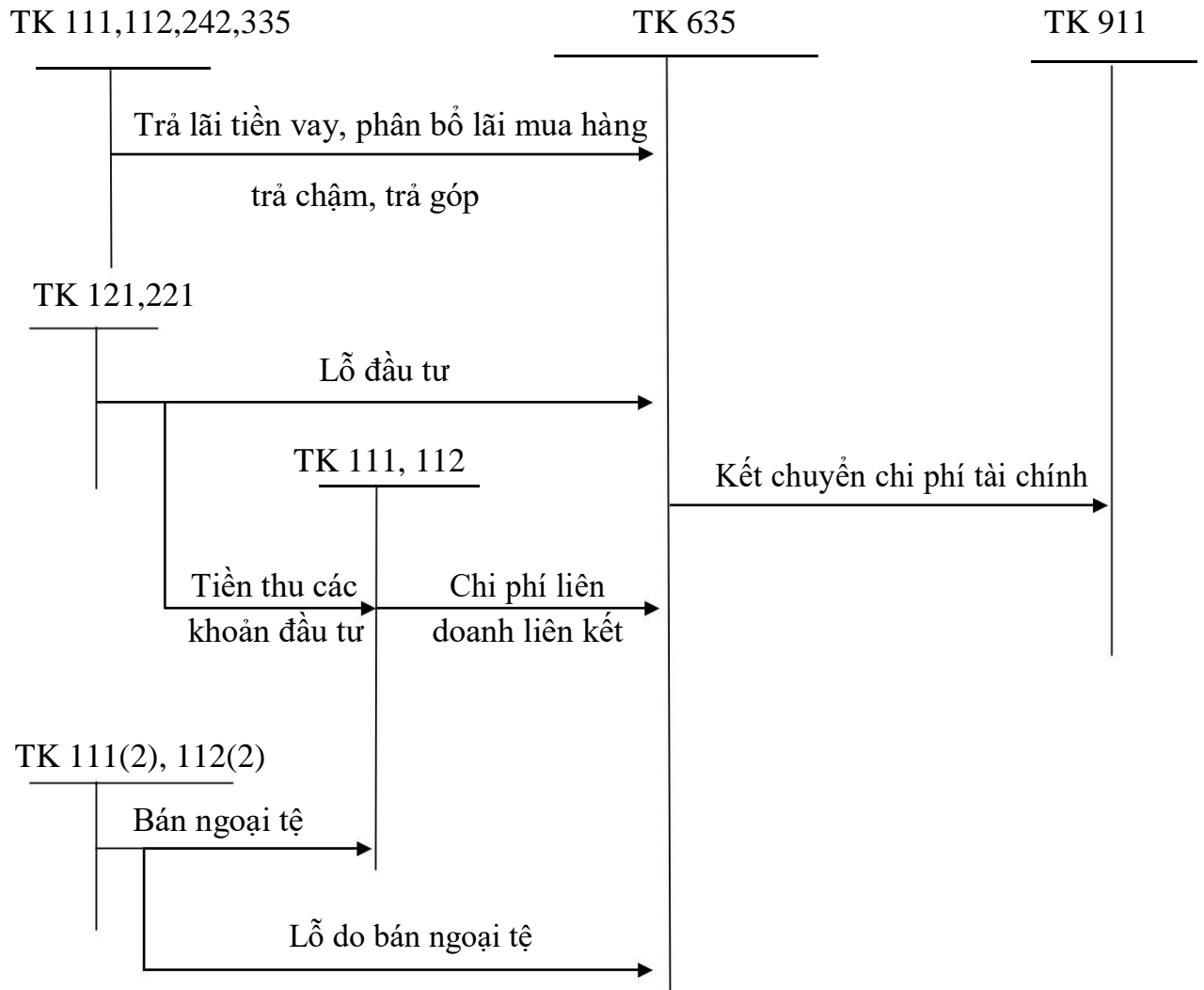
- Tài khoản sử dụng

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 635- chi phí tài chính, phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay hoặc đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

Tài khoản 635 phải được hạch toán chi tiết cho từng nội dung chi phí. Không hạch toán vào Tài khoản 635 những nội dung chi phí sau:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ;
 - Chi phí quản lý kinh doanh;
 - Chi phí kinh doanh bất động sản;
 - Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản;
 - Chi phí khác.
- Chứng từ sử dụng
 - Giấy bảo lãnh, giấy báo có của Ngân hàng
 - Bản sao kê của Ngân hàng
 - Phiếu kế toán
 - Phiếu thu và các chứng từ có liên quan khác

- Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7: Kế toán chi phí tài chính

1.2.3.4. Chi phí hoạt động khác

- Khái niệm:

Chi phí khác phát sinh bao gồm: chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, các khoản chi phí khác...

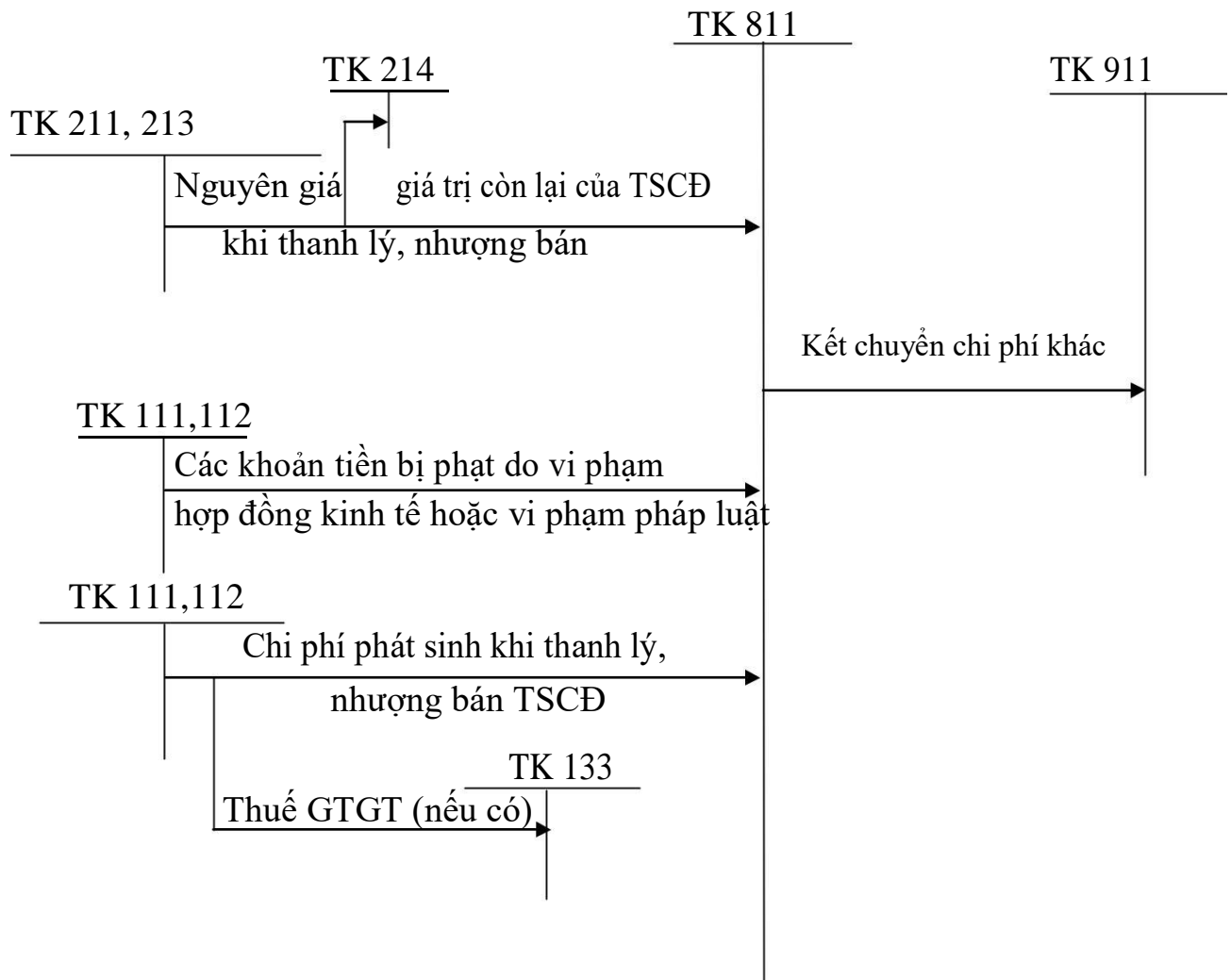
- Tài khoản sử dụng

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 811- Chi phí khác, phản ánh các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

Chi phí khác của doanh nghiệp gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ(nếu có)
- Chênh lệch lỗ do đánh giá vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư tài chính dài hạn khác;
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- Các khoản chi phí khác;
- Chứng từ sử dụng
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có của ngân hàng
- Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan...

- Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí hoạt động khác

1.2.3.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp .

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất , kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và thu nhập khác.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

1.3. Xác định kết quả kinh doanh

1.3.1. Khái niệm:

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng mà doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ.

1.3.2. Cách xác định kết quả kinh doanh:

- **Doanh thu thuần** = DT bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu.
- **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ** = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán.
- **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** = Lợi nhuận gộp + Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí tài chính - Chi phí quản lý kinh doanh.
- **Lợi nhuận từ hoạt động khác** = Thu nhập từ hoạt động khác – Chi phí hoạt động khác.
- **Lợi nhuận kế toán trước thuế** = **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận từ hoạt động khác**

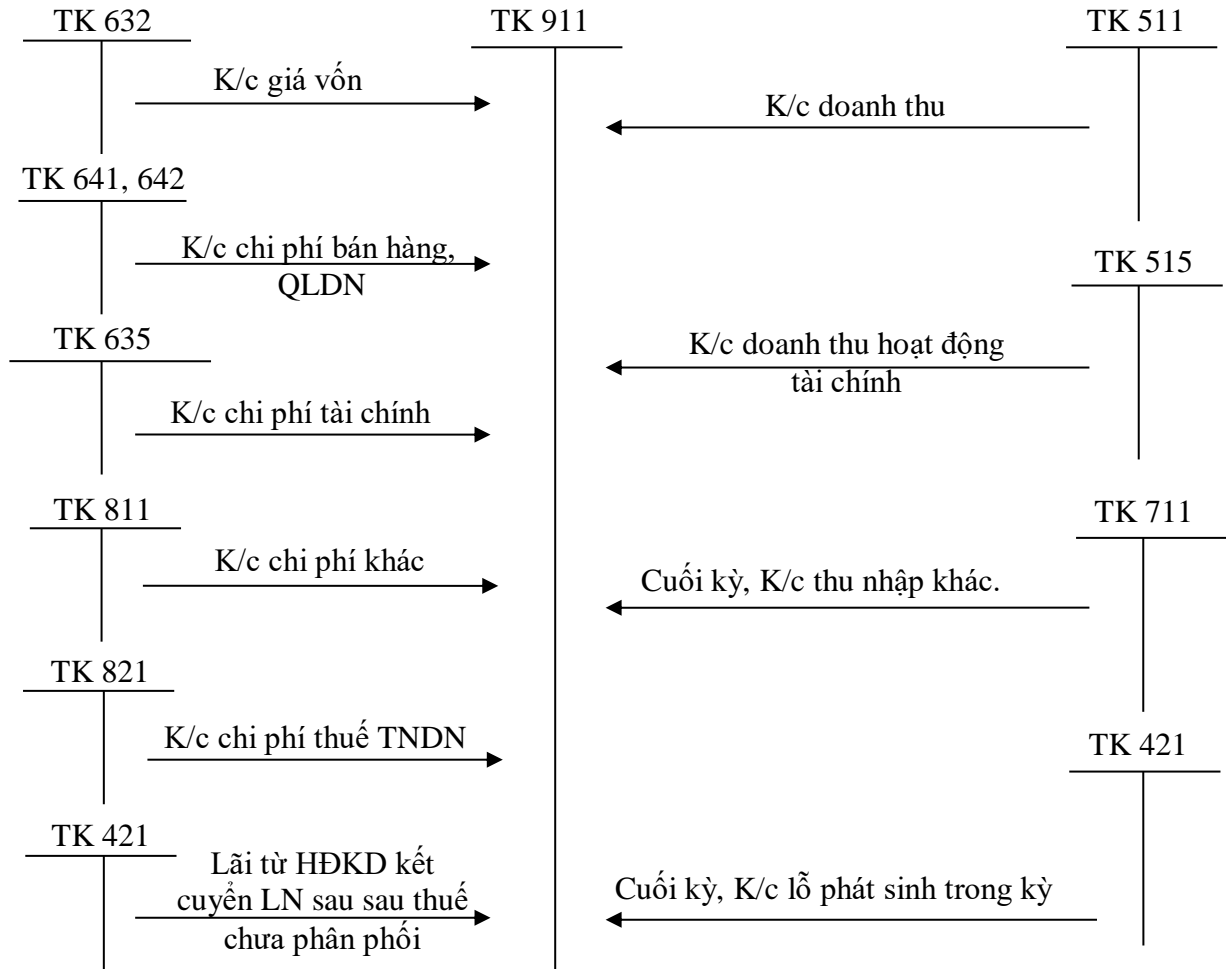
1.3.3. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán.
- Các chứng từ liên quan khác.

1.3.4. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 911- Xác định kết quả hoạt động kinh doanh, phản ánh đầy đủ chính xác kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán theo đúng quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

1.3.5. Phương pháp hạch toán



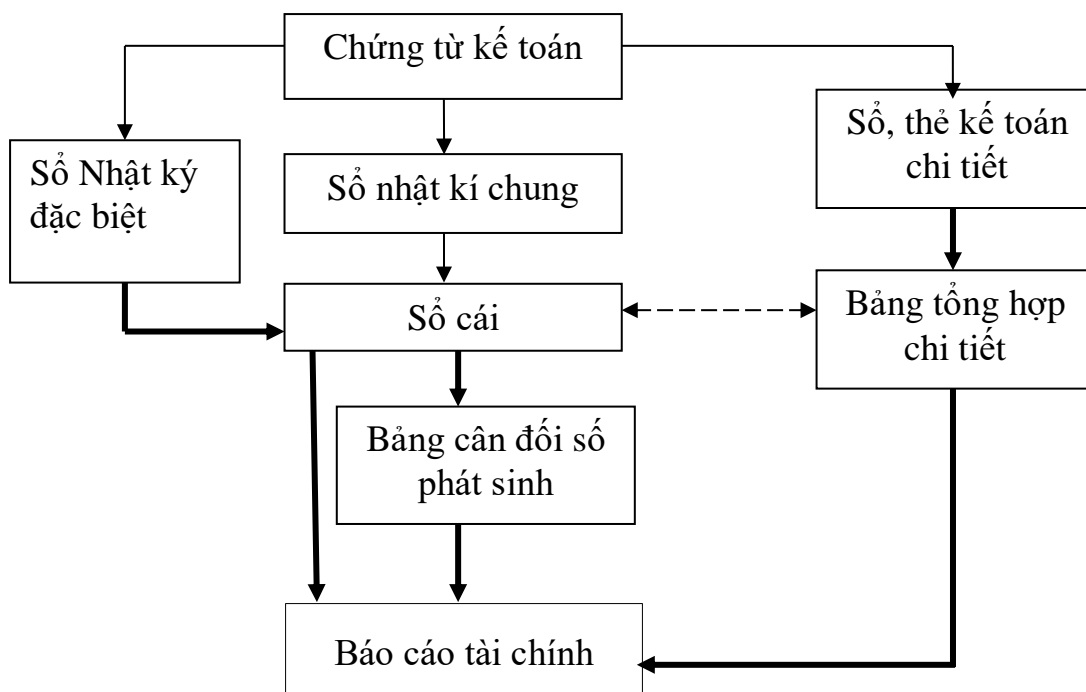
Sơ đồ 1.9: Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.4. Các hình thức, sổ kế toán sử dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã phản ánh trên chứng từ kế toán đều phải được ghi vào Sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian. Dựa vào số liệu trên sổ Nhật ký chung để vào các Sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

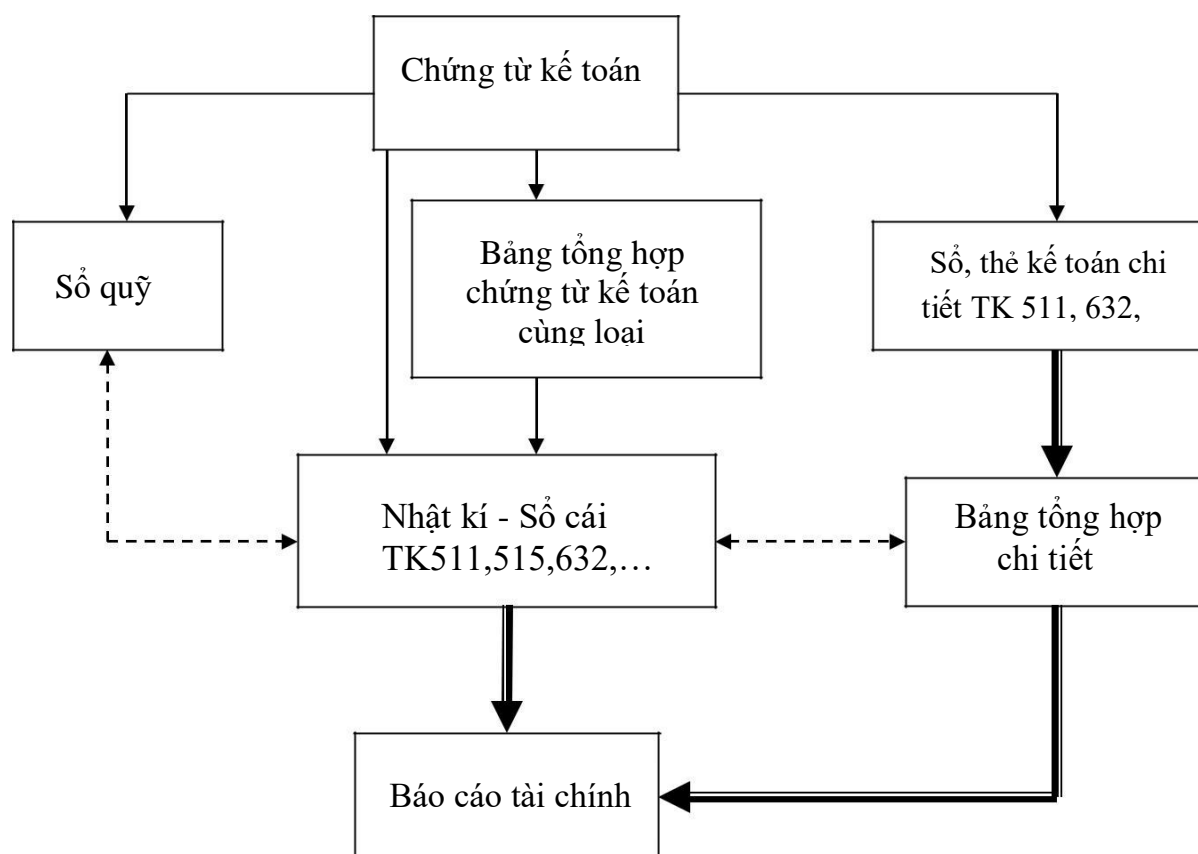
Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: $\longleftarrow\text{-----}\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \longrightarrow

Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

1.4.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã phản ánh trên chứng từ kế toán đều được ghi vào Sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Sổ Nhật ký – sổ cái theo trình tự thời gian. Căn cứ vào Nhật ký – sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp các chứng từ kế toán cùng loại.

**Ghi chú:**

————→ Ghi hàng ngày

————→ Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

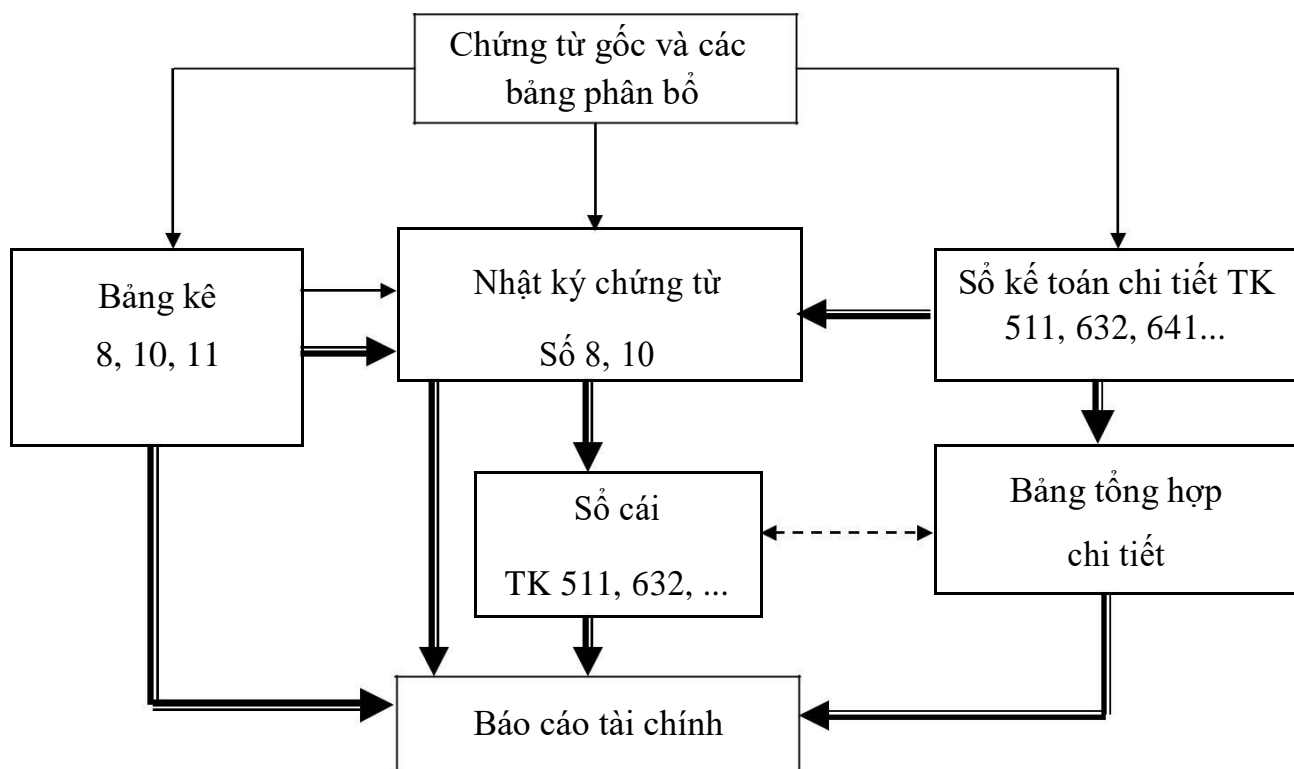
←- - - -> Đôi chiếu

Sơ đồ 1.11. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán

Nhật ký – sổ cái

1.4.3. Hình thức Nhật ký - chứng từ

Đặc trưng cơ bản: Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ. Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày

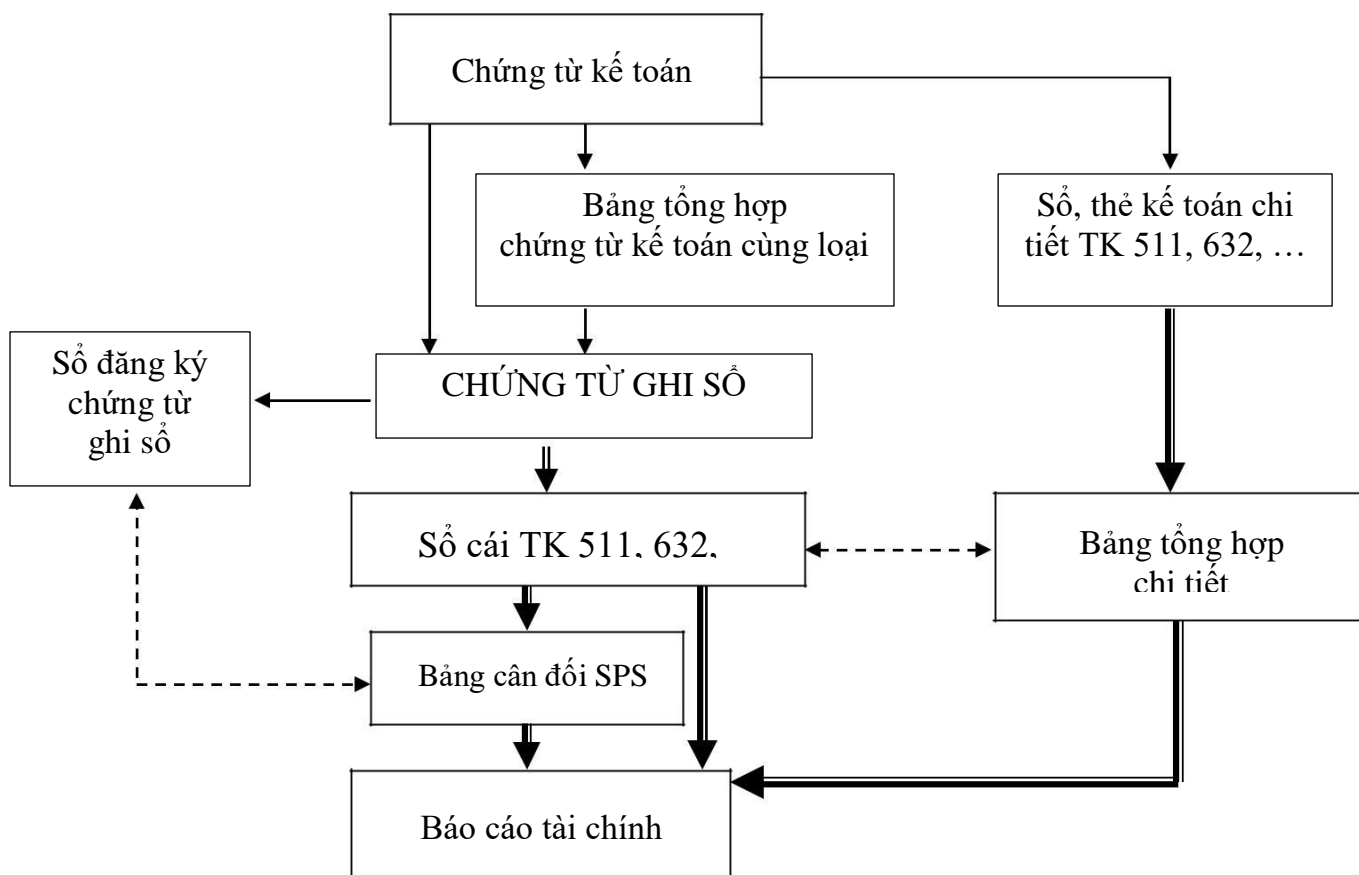
—————> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

←-----> Đối chiếu

Sơ đồ 1.12. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ

1.4.4. Hình thức Chứng từ - ghi sổ

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã được phản ánh trên chứng từ kế toán đều được phân loại, tổng hợp và lập chứng từ ghi sổ. Dựa vào số liệu ghi trên Chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ theo trình tự thời gian và ghi vào Sổ Cái theo nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh.



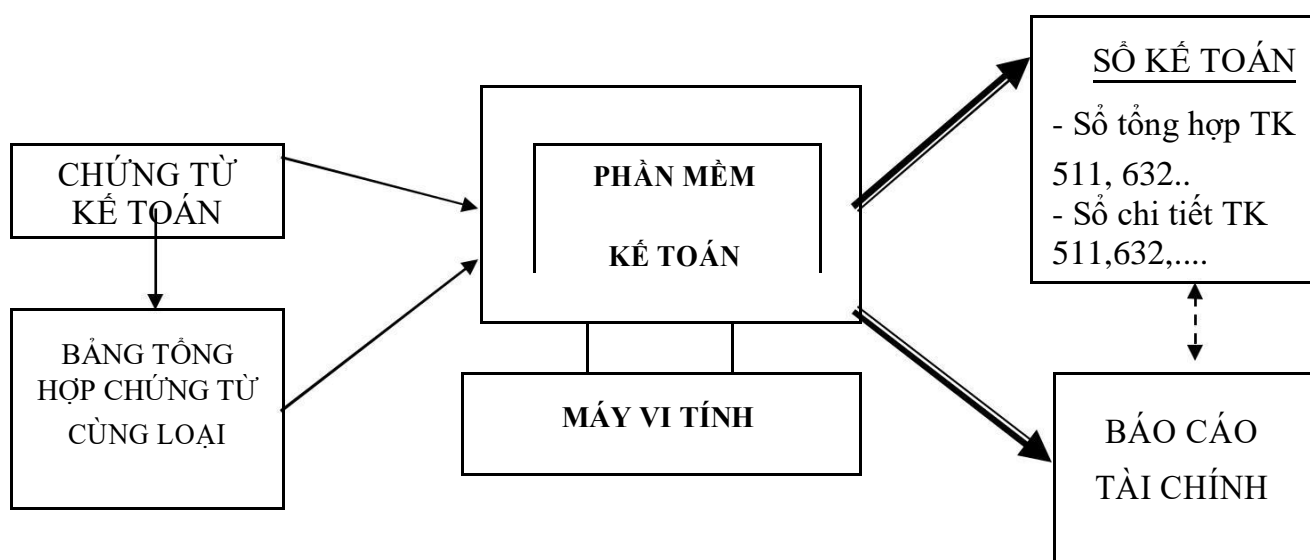
Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
- ↔ Đối chiếu

Sơ đồ 1.13. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ - ghi sổ

1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản: Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày

—————> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

←-----> Đối chiếu

Sơ đồ 1.14. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐIỆN HẢI PHÒNG**

2.1 Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng.

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng

- ❖ Tên doanh nghiệp: **Công ty cổ phần Công nghiệp điện Hải Phòng.**
- ❖ Tên tiếng anh: HAI PHONG ELECTRICAL INDUSTRY JOINT STOCK COMPANY.
- ❖ Tên viết tắt: HEIJCO.
- ❖ Điện thoại: 0225.3538597 / Fax: 0225.3538766
- ❖ Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng (hai mươi tỷ đồng)
- ❖ Địa chỉ trụ sở chính: Số 3 Km 92 đường 5 mới, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.
- ❖ Mã số thuế: 0200547512.
- ❖ Ngành nghề kinh doanh của công ty:
 - Lắp đặt hệ thống điện
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
 - Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe động cơ khác)
 - Đóng tàu và cấu kiện nổi
 - Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
 - Sản xuất thiết bị điện khác
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng (HEIJCO) được thành lập ngày 06/06/2003 nhằm tập trung sức mạnh của các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc ngành công nghiệp kỹ thuật điện. Với 15 năm hình thành và phát triển, hiện nay, HEIJCO hoạt động tập trung lĩnh vực chính là kinh doanh vật tư thiết bị điện. Đồng thời, HEIJCO mở rộng hoạt động, phát triển đa ngành với nhiều lĩnh vực khác nhau bao gồm:

Tư vấn, cung cấp thiết bị điện công nghiệp, gia dụng, phân phối thiết bị điện, Xuất nhập khẩu hàng hóa,...

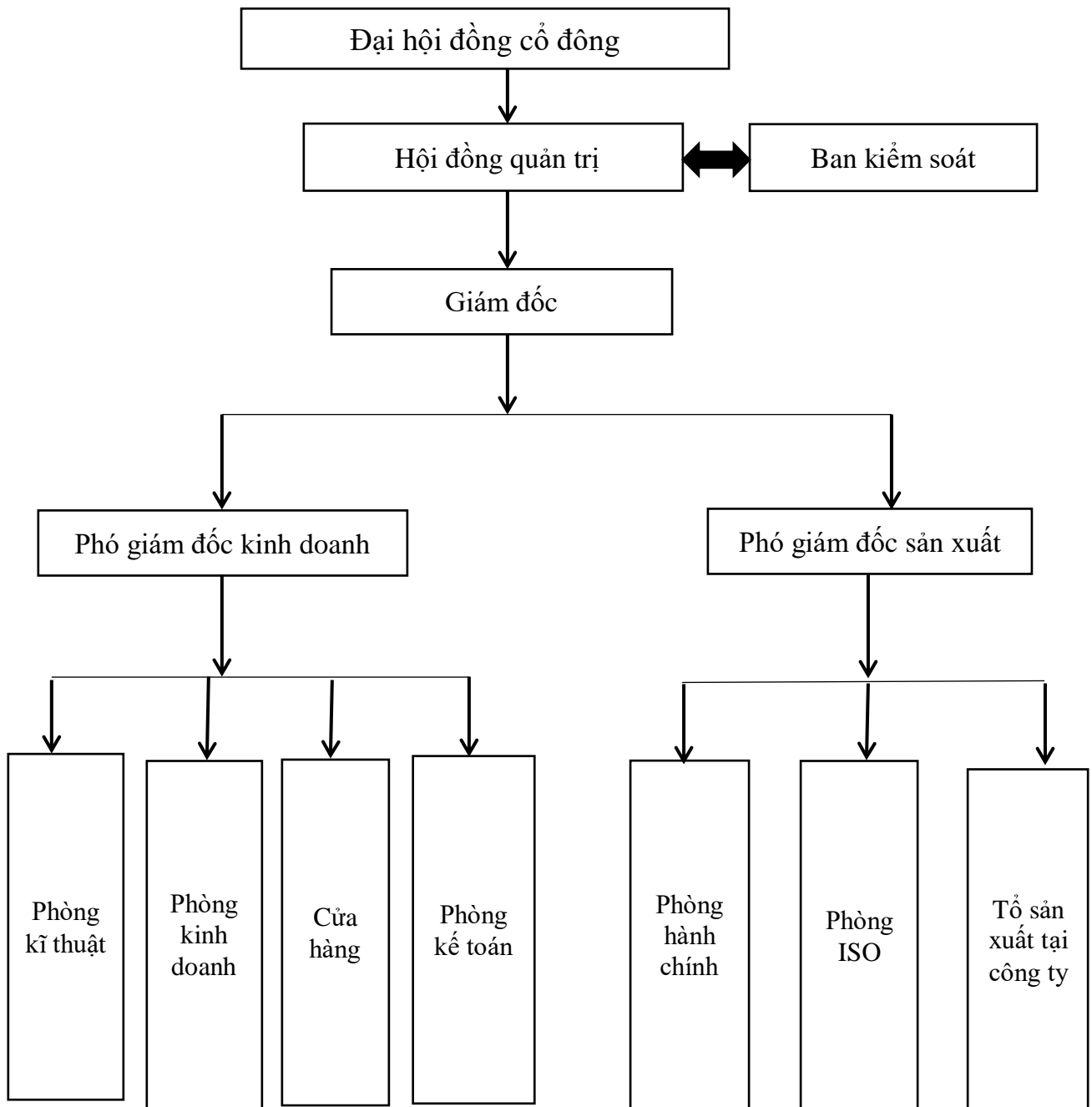
2.1.2 Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng.

- Đối tượng hạch toán doanh thu, chi phí tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng theo lĩnh vực hoạt động : hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.
- Đối tượng hạch toán kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng hạch toán chung cho mọi hoạt động kinh doanh của đơn vị.
- Kỳ hạch toán doanh thu chi phí kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng theo năm.

2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng

Trải qua 15 năm hoạt động và phát triển cùng với sự thay đổi của cơ chế thị trường, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý kinh doanh của Công ty đã có nhiều cải tiến. Có thể nói, hiện nay bộ máy quản lý đã được sự hoàn thiện và đem lại hiệu quả cao.

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý được khái quát qua sơ đồ 2.1 như sau:



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng

❖ Chức năng các phòng ban:

- **Đại hội đồng cổ đông:** Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo.

- **Hội đồng quản trị :** Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp và điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

- **Ban kiểm soát :** Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.

- **Giám đốc Công ty:** Giám đốc có quyền tuyển dụng lao động, có quyền chủ động lập dự án kinh doanh, là đại diện pháp nhân của Công ty được quyền tham gia đàm phán ký kết hợp đồng kinh tế, chịu trách nhiệm về toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty,....

- **Phó Giám đốc:** Là người giúp việc tham mưu cho Giám đốc, được phân công phụ trách một số lĩnh vực như: Đào tạo nâng cao trình độ cho nhân viên, An toàn và vệ sinh lao động,... và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về lĩnh vực mình đảm nhiệm. Khi Giám đốc đi vắng, Phó Giám đốc chịu trách nhiệm điều hành mọi công việc của Công ty. Phó Giám đốc là người được Giám đốc ủy quyền chỉ đạo công việc hành chính và đời sống nhân viên của Công ty như chăm sóc sức khỏe y tế, thăm quan du lịch,....

- **Phòng kế toán:** Làm công tác kiểm tra kiểm soát việc thực hiện các chế độ quản lý kinh tế, có trách nhiệm quản lý theo dõi toàn bộ nguồn vốn của Công ty, có chức năng tham mưu giúp việc cho Giám đốc; Thông báo kịp thời cho Giám đốc về tình hình luân chuyển và sử dụng vốn, tăng cường công tác quản lý để việc sử dụng vốn mang lại hiệu quả cao; Báo cáo tình hình tài chính với các cơ quan chức năng của Nhà nước; Xây dựng kế hoạch Tài chính của Công ty; Quản lý toàn bộ hệ thống kế toán, sổ sách hàng ngày, phân tích kết quả hoạt động kinh doanh; Xác định về tình hình vốn hiện có của Công ty và sự biến động của các

loại tài sản. Trong đó, Kế toán trưởng có nhiệm vụ chỉ đạo nhân viên trong phòng kế toán hạch toán theo đúng chế độ chuẩn mực Nhà nước quy định.

- Phòng kinh doanh:

- + Lập các kế hoạch Kinh doanh và triển khai thực hiện
- + Phân tích khách hàng và kênh tiêu thụ
- + Tìm hiểu thị trường và các đơn vị cạnh tranh trong khu vực
- + Lập kế hoạch Marketing: Kế hoạch quảng cáo, Kế hoạch tiếp thị, khuyến mại, Kế hoạch bán hàng.

- Phòng hành chính – nhân sự :

- + Xây dựng kế hoạch tuyển dụng lao động; kế hoạch tiền lương hàng năm;
- + Quản lý cán bộ, nhân sự lao động và tiền lương theo các quy định của Nhà nước và của công ty;
- + Quản lý toàn bộ tài sản, trang thiết bị văn phòng của Công ty;
- + Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ hồ sơ theo quy định.

- Phòng kĩ thuật:

- + Chịu trách nhiệm toàn bộ các vấn đề liên quan đến kĩ thuật của công ty

- Phòng Iso:

- + Thiết lập, vận hành, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO trong toàn tổ chức.
- + Quản lý, lưu trữ hồ sơ tự đánh giá. Thường xuyên cập nhật các minh chứng theo các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của tổ chức.
- + Chủ trì và phối hợp với các đơn vị trong việc cập nhật các thông tin, minh chứng của các đơn vị phục vụ cho việc kiểm định chất lượng.
- + Hướng dẫn và hỗ trợ các đơn vị thực hiện công tác tự đánh giá theo tiêu chí của tổ chức đề ra và triển khai thực hiện công tác đảm bảo chất lượng tại các phòng ban.

- Cửa hàng:

- + Là nơi trưng bày, giới thiệu các sản phẩm về công ty.

- Tổ sản xuất tại công ty:

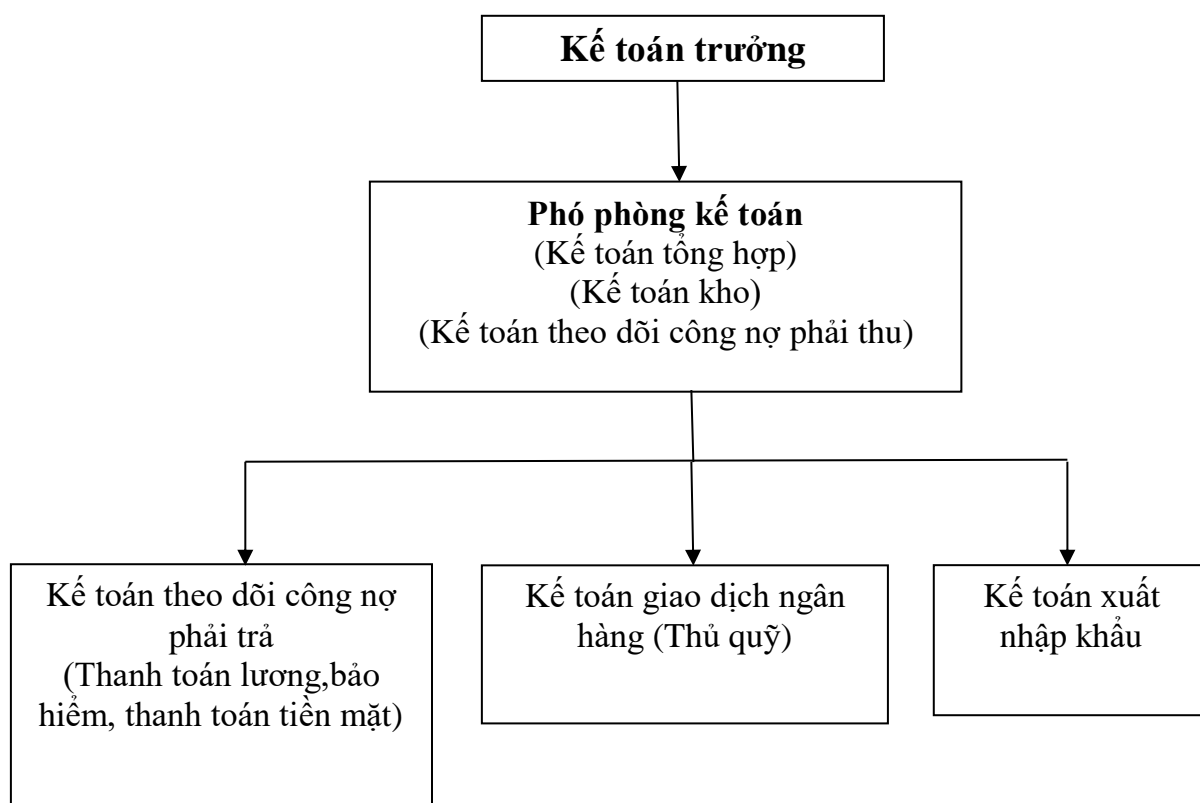
- + Là tổ sản xuất, cung cấp điện, các thiết bị liên quan.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng

❖ Đặc điểm bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần công nghiệp điện

Hải Phòng

Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty được khái quát qua sơ đồ 2.2 như sau:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng

✚ Nhiệm vụ từng bộ phận kế toán:

* **Kế toán trưởng:**

- Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức kinh doanh của công ty.
- Chịu trách nhiệm trực tiếp trước giám đốc công ty về các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Kế toán trưởng.
- Kế toán trưởng là người lãnh đạo của phòng, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về tất cả hoạt động của phòng do mình phụ trách.
- Có trách nhiệm quản lý chung, (kiểm soát) mọi hoạt động có liên quan đến lĩnh vực tài chính, kế toán. Kế toán trưởng phải nắm được toàn bộ tình hình tài chính của công ty để tham mưu cho giám đốc ra các quyết định về chính sách và kế hoạch tài chính của công ty.

* **Phó phòng kế toán:** Kế toán tổng hợp kiêm kế toán kho và kế toán theo dõi công nợ phải thu.

- Với chức năng này, phó phòng kế toán là người đứng sau kế toán trưởng kiểm tra giám sát tất cả các hoạt động nghiệp vụ của các kế toán

viên. Vì vậy, phó phòng kế toán sẽ đứng ra tổng hợp và thực hiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và lập báo cáo xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Sau đó, báo cáo công việc lên cho kế toán trưởng xem xét.

- Kiểm kê toán kho có nhiệm vụ cụ thể là theo dõi kịp thời bảng xuất, nhập, tồn hàng hóa trong kho. Tập hợp tính giá thành của các sản phẩm Cty chế tạo lắp đặt và các mặt hàng Cty mua bán dịch vụ:

Đối với các hợp đồng kinh tế có giá trị lớn:

- + Khi chuẩn bị đủ vật tư đầu vào, nhân công đầu vào theo hợp đồng đã ký, lập bảng so sánh với giá bán ra tính lợi nhuận trước, lợi nhuận đưa chung về theo quy định của Cty. Tiến hành triển khai hạch toán, bổ sung chứng từ cho phù hợp và đúng thời điểm thi công, chế tạo sản phẩm.

Đối với các sản phẩm sản xuất chế tạo có giá trị nhỏ:

- + Tập hợp tính giá thành bình quân cho từng sản phẩm để làm cơ sở hạch toán theo quy định chung của Cty phù hợp với Báo cáo thuế Nhà nước.
- + Tập hợp doanh thu, tập hợp giá thành sản phẩm cuối tháng báo cáo Kế toán trưởng.

➤ Có trách nhiệm thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Giữ bí mật tài liệu, thông tin của phòng kế toán, chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc về tính chính xác của số liệu tổng hợp tính toán. Có quyền yêu cầu làm lại phiếu nhập xuất kho chưa rõ ràng, chưa đúng biểu mẫu. Kiểm tra hàng hóa nhập kho phải có đầy đủ hóa đơn, sau giao kế toán thanh toán kịp thời để kế toán thanh toán tập hợp và thực hiện việc cho trả khách hàng. Có quyền yêu cầu các bộ phận khác trong phòng, trong Cty cung cấp các thông tin kịp thời để phục vụ công việc thuộc phạm vi trách nhiệm của mình.

* **Kế toán giao dịch ngân hàng kiêm thủ quỹ:**

- Có nhiệm vụ chủ động giao dịch với ngân hàng về như cầu vay vốn của Cty. Quản trị công nợ ngân hàng, công nợ khách hàng báo cáo Hội Đồng Quản Trị lập kế hoạch chi trả công nợ. Theo dõi và lấy chứng từ ngân hàng chuyển kế toán trưởng, phó phòng kinh doanh, để theo dõi ghi sổ phục vụ hạch toán đối chiếu công nợ với khách hàng. Theo dõi và quản lý, đối chiếu tiền của hàng bán lẻ và hàng giới thiệu sản phẩm. Quản lý, cấp phát phiếu thu, phiếu chi, hóa đơn gốc và phiếu xuất

nhập kho chưa phát hành. Quản lý tiền mặt và chi trả theo phiếu chi, phiếu tạm ứng. Giao dịch ngân hàng cất ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển séc theo sự chỉ đạo của Chủ tịch hội đồng quản trị và Kế toán trưởng Cty.

- Có trách nhiệm thực hiện tốt các nhiệm được giao trên. Tập hợp chứng từ ngân hàng kịp thời chuyển cho kế toán trưởng và Phó phòng kinh doanh để phục vụ việc theo dõi công nợ của khách hàng. Báo cáo kịp thời quỹ tiền mặt, tiền có trên tài khoản, khi kế toán trưởng và Chủ tịch Hội đồng quản trị yêu cầu. Chấp hành và tạo điều kiện cho việc kiểm kê quỹ tiền mặt. Chịu trách nhiệm bồi thường về vật chất khi xảy ra thiệt hại do bản thân gây ra. Có quyền kiểm tra, kiểm soát lại công nợ khách hàng khi nghi vấn.

* **Kế toán theo dõi công nợ phải trả và thanh toán lương, bảo hiểm, tiền mặt:**

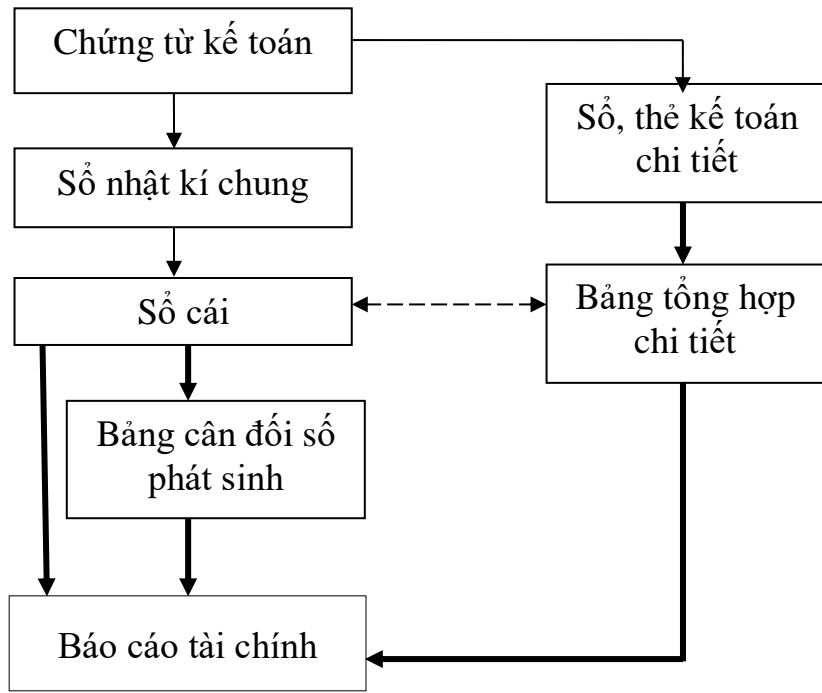
- Có nhiệm vụ theo dõi hợp đồng mua vào và bán ra, cập nhật chứng từ mua vào kịp thời, cuối tháng, chuyển cho kế toán trưởng. Theo dõi công nợ của khách hàng nợ của Cty. Theo dõi công nợ phải trả thực tế của Cty hàng tháng, báo cáo Kế toán trưởng và chuyển cho Chủ tịch Hội đồng quản trị duyệt chi trả khách hàng. Theo dõi, lập phiếu thu chi trả tiền mặt, chuyển khoản chi trả khách hàng, tập hợp báo cáo chứng từ ngân hàng. Quản lý viết hóa đơn VAT bán ra cho khách hàng. Tập hợp phiếu nhập kho và bảng chấm công, phiếu giao việc..vvv.. căn cứ lập bảng tính lương cho cán bộ công nhân viên Cty. Theo dõi bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên Cty.
- Có trách nhiệm mở các tài khoản cho đúng nhiệm vụ được phân công. Thanh toán phải có đầy đủ chứng từ hóa đơn. Theo dõi công nợ chi trả cho khách hàng phải đầy đủ chính xác, tính lương hàng tháng cho cán bộ công nhân viên phải trung thực, đầy đủ. Theo dõi bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên phải kịp thời đảm bảo đúng tiêu chuẩn chế độ của cán bộ công nhân viên được hưởng. Theo dõi công nợ phải thu phải chi, lập sổ chi tiết khách hàng. Nộp báo cáo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị đúng chính xác về số liệu và thời gian (vào ngày cuối tháng hoặc chậm nhất ngày 01, 02 đầu tháng kế tiếp). Khi viết hóa đơn phải kiểm tra đầu vào cho phù hợp mới được viết hóa đơn đầu ra.

*** Kế toán xuất nhập khẩu:**

- Có nhiệm vụ làm các thủ tục về nhập khẩu hàng hóa của Cty(Liên hệ mua hàng, theo dõi tình hình hàng hóa để làm báo cáo, kiểm tra chứng từ, lấy lệnh, cược container, đi hải quan mở, tờ khai, đi nộp thuế, đi lấy hàng). Làm các thủ tục về xuất khẩu hàng hóa của Cty(Làm bảng định mức xuất nhập tồn doanh nghiệp, đăng ký định mức trên hệ thống hải quan, làm invoice xuất, parking list, xuất hàng, liên hệ hãng tàu để xuất nước ngoài, đưa hàng ra cảng, làm thủ tục với hãng tàu). Liên hệ với khách hàng Rumani để thanh toán công nợ, đòi nợ (Làm bảng đối chiếu công nợ để thanh toán, làm invoice đòi tiền ứng, PO, viết mail đòi tiền...). In và lưu trữ các tài liệu liên quan đến xuất nhập khẩu từng thời điểm cho phù hợp.

❖ Các chuẩn mực kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng.

- Kỳ kế toán : Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho : Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ : phương pháp đường thẳng
- Phương pháp tính thuế GTGT : Phương pháp khấu trừ
- Chế độ kế toán áp dụng: Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.
- Hình thức ghi sổ kế toán: Hình thức Nhật ký chung.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: <----->

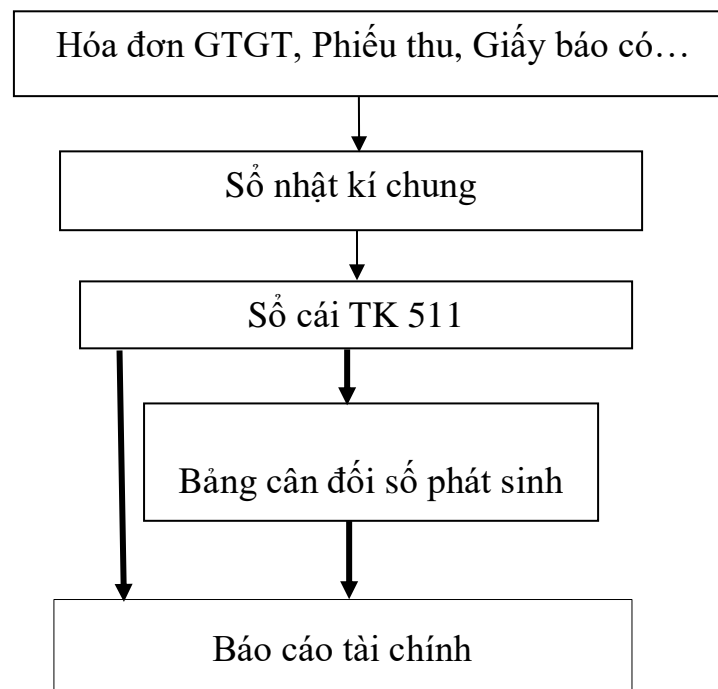
Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: —————>

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Chứng từ sử dụng:
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng.
 - + Các chứng từ có liên quan khác.
- Sổ kế toán sử dụng:
 - + Sổ nhật ký chung
 - + Sổ cái TK 511
- Quy trình hạch toán:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \longrightarrow

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng.

- ***Ví dụ minh họa 1:***

Ngày 16/12, bán 20 cuộn dây cáp điện cho công ty TNHH Công nghệ Phương Vũ theo HĐ số 0001446 đơn giá 350.000 đồng/cuộn (chưa VAT 10%), đã thanh toán bằng tiền mặt.

Định khoản:

Nợ TK 111: 7.700.000

 Có TK 511 : 7.000.000

 Có TK 3331 : 700.000

Căn cứ vào hóa đơn số 0001446 (Biểu số 2.1) và phiếu thu số 12-043 (biểu số 2.2), kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.6)

Biểu số 2.1. Hóa đơn GTGT số HĐ 0001446

| HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | | Mẫu số: 01GTKT3/001 | | |
|---|-----------------------|---|----------------------------|--|------------|
| Liên 3: nội bộ | | | Kí hiệu: AA/15P | | |
| Ngày 16 tháng 12 năm 2017 | | | Số: 0001446 | | |
| Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng. Mã số thuế: 0200 435 862 Địa chỉ: Số 3 km 92 đường 5 mới, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng. Số điện thoại: 0225.3538597 Số tài khoản: 10920031151015 tại Ngân hàng TECHCOMBANK Hải Phòng | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: Lê Thảo Nguyên Tên đơn vị: Công ty TNHH Công nghệ Phương Vũ. Mã số thuế: 1000415983 Địa chỉ: Số 70 Dân Lập, Phường Dư Hàng Kênh, Quận Lê Chân, Hải Phòng. Hình thức thanh toán: Tiền mặt Số tài khoản: 000008201 tại Ngân hàng VIB Hải Phòng | | | | | |
| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=4x5 |
| 1 | Dây cáp điện | Cuộn | 20 | 350.000 | 7.000.000 |
| Cộng tiền hàng | | | | | 7.000.000 |
| Thuế GTGT 10% | | | | | 700.000 |
| Tổng tiền thanh toán | | | | | 7.700.000 |
| Viết bằng chữ: Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn | | | | | |
| Người mua hàng (kí, ghi họ tên) | | Người bán hàng (kí, ghi họ tên) | | Thủ trưởng đơn vị (kí, đóng dấu, ghi họ tên) | |

(Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

Biểu số 2.2. Phiếu thu số 12-043

Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng.
Địa chỉ: Số 3 km 92, đường 5 mới, Phường Hùng
Vương, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số 01 - TT
(Ban hành theo thông tư số
200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU THU
Ngày 16 tháng 12 năm 2017
Số: 12-043

Nợ TK111: 7.700.000
Có TK511: 7.000.000
Có TK3331: 700.000

Họ tên người nộp tiền: Lê Thảo Nguyên
Địa chỉ: : Số 70 Dân Lập, Phường Dư Hàng Kênh, Quận Lê Chân, Hải Phòng.
Lý do thu: Thanh toán tiền hàng của HĐ 0001446
Số tiền: 7.700.000
Viết bằng chữ: Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn
Kèm theo: chứng từ gốc.

Ngày 16 tháng 12 năm 2017

Người lập
(kí, họ tên)

Thủ quỹ
(kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(kí, họ tên)

Giám đốc
(kí, đóng dấu, họ tên)

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ): Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn

(Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

- ***Ví dụ minh họa 2:***

Ngày 24/12, bán 10 bộ đèn Led trang trí cho công ty TNHH Lighting Gia Hải theo hóa đơn GTGT số 0001480 đơn giá 3.600.000 đồng/ bộ (chưa thuế VAT 10%) đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Định khoản :

Nợ TK 112: 39.600.000

 Có TK 511 : 36.000.000

 Có TK 3331 : 3.600.000

Căn cứ vào hóa đơn số 0001480 (Biểu số 2.3) và Giấy báo có của ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam số 0695 (Biểu số 2.4) kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.6)

Biểu số 2.3. Hóa đơn GTGT số HĐ 0001480

| HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | | Mẫu số: 01GTKT3/001 | | |
|---|-----------------------|---|----------------------------|--|------------|
| Liên 3: nội bộ | | | Kí hiệu: AA/15P | | |
| Ngày 24 tháng 12 năm 2017 | | | Số: 0001480 | | |
| Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng. Mã số thuế: 0200 435 862 Địa chỉ: Số 3 km 92 đường 5 mới, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng. Số điện thoại: 0225.3538597 Số tài khoản: 10920031151015 tại Ngân hàng TECHCOMBANK Hải Phòng | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: Bùi Thị Tuyết Tên đơn vị: Công ty TNHH Lighting Gia Hải Mã số thuế: 0101419950 Địa chỉ: Số 40-D3, khu tập thể Nguyễn Công Trứ, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản: 1301122884336 tại Ngân hàng Agribank Hải Phòng | | | | | |
| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=4x5 |
| 1 | Đèn Led trang trí | Bộ | 10 | 3.600.000 | 36.000.000 |
| Cộng tiền hàng | | | | | 36.000.000 |
| Thuế GTGT 10% | | | | | 3.600.000 |
| Tổng tiền thanh toán | | | | | 39.600.000 |
| Viết bằng chữ: Ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn. | | | | | |
| Người mua hàng (kí, ghi họ tên) | | Người bán hàng (kí, ghi họ tên) | | Thủ trưởng đơn vị (kí, đóng dấu, ghi họ tên) | |

(Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

Biểu số 2.4. Giấy báo có của Ngân hàng TECHCOMBANK Hải Phòng

GIẤY BÁO CÓ
Ngày 24/12/2017

Mã GDV: BTTA
Mã KH: 28519
Số GD: 05682

Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

Chi nhánh : TECHCOMBANK – Hải Phòng

Kính gửi : **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐIỆN HẢI PHÒNG**

Mã số thuế : 0200 435 862

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau :

Số tài khoản ghi Có : 10920031151015

Số tiền bằng số : 39.600.000

Số tiền bằng chữ : Ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn.

Nội dung : Công ty TNHH Lighting Gia Hải thanh toán HĐ 0001480.

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

(Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

- ***Ví dụ minh họa 3:***

Ngày 27/12, doanh nghiệp xuất bán 100 chiếc vỏ tủ điện cho công ty CP cơ điện lạnh Minh Quang theo hóa đơn GTGT số 0001522 đơn giá 600.000 đồng/chiếc (chưa thuế VAT 10%), khách hàng chưa thanh toán.

Định khoản :

Nợ TK 131: 66.000.000

 Có TK 511: 60.000.000

 Có TK 3331 : 6.000.000

Căn cứ hóa đơn số 0001522 (Biểu số 2.5) kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.6)

Biểu số 2.5. Hóa đơn GTGT số HĐ 0001522

| HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | | Mẫu số: 01GTKT3/001 | | |
|--|-----------------------|---|----------------------------|--|------------|
| Liên 3: nội bộ | | | Kí hiệu: AA/15P | | |
| Ngày 27 tháng 12 năm 2017 | | | Số: 0001522 | | |
| Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng. Mã số thuế: 0200 435 862 Địa chỉ: Số 3 km 92 đường 5 mới, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng. Số điện thoại: 0225.3538597 Số tài khoản: 10920031151015 tại Ngân hàng TECHCOMBANK Hải Phòng | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: Phạm Thành Nam Tên đơn vị: Công ty CP cơ điện tử Minh Quang Mã số thuế: 0212 784 506 Địa chỉ: Tầng 2, Tháp The Manor, Mễ Trì, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội Hình thức thanh toán: Số tài khoản: 125 2256 2478 369 tại Ngân hàng Việt Á Bank Hải Phòng | | | | | |
| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=4x5 |
| 1 | Vỏ tủ điện | Chiếc | 100 | 600.000 | 60.000.000 |
| Cộng tiền hàng | | | | | 60.000.000 |
| Thuế GTGT 10% | | | | | 6.000.000 |
| Tổng tiền thanh toán | | | | | 66.000.000 |
| Viết bằng chữ: Ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn. | | | | | |
| Người mua hàng (kí, ghi họ tên) | | Người bán hàng (kí, ghi họ tên) | | Thủ trưởng đơn vị (kí, đóng dấu, ghi họ tên) | |

(Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

Biểu số 2.6 Trích sổ nhật ký chung

Công ty cổ phần công nghiệp điện HP
Địa chỉ: Số 3 KM92 đường 5 mới,
P.HùngVương,Q.HồngBàng,HảiPhong

Mẫu số: S03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2017

Đơn vị tính : VNĐ

| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | SHTK ĐƯ | Số phát sinh | |
|----------|------------------------|-------|--|------------|------------------------|------------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 16/12 | HD 0001446 PT12-043 | 16/12 | Bán dây cáp điện cho công ty TNHH Công nghệ Phương Vũ | 111 | 7.700.000 | |
| | | | | 511 | | 7.000.000 |
| | | | | 3331 | | 700.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 24/12 | HD 0001480 GBC 5682 | 24/12 | Bán đèn Led cho công ty TNHH Lighting Gia Hải | 112 | 39.600.000 | |
| | | | | 511 | | 36.000.000 |
| | | | | 3331 | | 3.600.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 27/12 | HD 0001522 | 27/12 | Bán vỏ tủ điện cho công ty CP cơ điện lạnh Minh Quang | 131 | 66.000.000 | |
| | | | | 511 | | 60.000.000 |
| | | | | 3331 | | 6.000.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Cộng lũy kế từ đầu năm | | 847.508.093.508 | 847.508.093.508 |

(Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

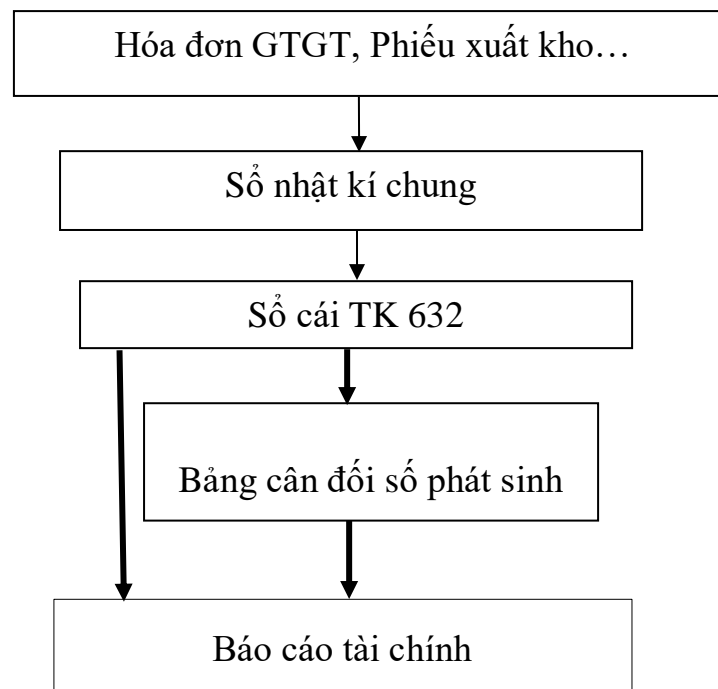
Căn cứ vào nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 511 (biểu số 2.7)

Biểu số 2.7. Trích sổ cái TK 511

| Công ty cổ phần công nghiệp điện HP Địa chỉ : Số 3 KM92 đường 5 mới, P.Hùng Vương,Q.Hồng Bàng, Hải Phòng | | | Mẫu số: S03b-DN (Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính) | | | |
|---|-----------------------|-------|---|------------|-----------------------|-----------------------|
| SỔ CÁI Năm 2017 Tên tài khoản : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Số hiệu : 511 Đơn vị tính : VNĐ | | | | | | |
| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | SH TKĐƯ | Số phát sinh | |
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu năm | | | |
| | | | Số phát sinh | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 16/12 | HĐ0001446 PT12-043 | 16/12 | Bán dây cáp điện cho công ty TNHH công nghệ Phương Vũ | 111 | | 7.000.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 24/12 | GBC 5682 HĐ0001480 | 24/12 | Bán đèn Led cho công ty TNHH Lighting Gia Hải | 112 | | 36.000.000 |
| 27/12 | HĐ0001522 | 27/12 | Bán vỏ tủ điện cho công ty CP cơ điện lạnh Minh Quang | 131 | | 60.000.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT32 | 31/12 | Kết chuyển doanh thu | 911 | 82.177.345.842 | |
| | | | Cộng lũy kế từ đầu năm | | 82.177.345.842 | 82.177.345.842 |
| | | | Số dư cuối năm | | | |
| (Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng) | | | | | | |

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

- Chứng từ sử dụng:
 - + Phiếu xuất kho
 - + Các chứng từ khác có liên quan...
- Sổ kế toán sử dụng :
 - + Sổ nhật ký chung
 - + Sổ cái TK 632
- Quy trình hạch toán:

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \longrightarrow

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng.

- **Ví dụ minh họa 1:**

Ngày 16/12, doanh nghiệp tiến hành xuất bán 20 cuộn dây cáp điện cho công ty TNHH công nghệ Phương Vũ theo HĐ số 0001446

- 3
- Cuối tháng, kế toán tiến hành xác định đơn giá xuất kho rồi lập phiếu xuất kho số 12-010 (biểu số 2.8)
 - Để xác định giá vốn hàng bán (theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì), được biết:
 - + Dây cáp điện có số lượng tồn kho đầu kỳ: 50 cuộn với đơn giá 250.000đ/cuộn.
 - + Tổng nhập trong kì của dây cáp điện là: 100 cuộn với tổng giá trị là 23.500.000 đ.
 - + Tổng xuất trong kì của dây cáp điện là: 20 cuộn.
 - Kế toán tính trị giá xuất kho 20 cuộn dây cáp điện như sau:

$$\begin{aligned}
 \text{Giá bình quân 1 cuộn dây cáp điện trong kỳ} &= \frac{(50 \times 250.000) + 23.500.000}{50 + 100} \\
 &= 240.000
 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned}
 \text{Giá thực tế của dây cáp điện xuất kho trong kỳ} &= 240.000 \times 20 \\
 &= 4.800.000
 \end{aligned}$$

Kế toán định khoản giá vốn bán hàng :

Nợ TK 632 : 4.800.000

Có TK 156 : 4.800.000

⇒ Từ đó ghi vào sổ nhật ký chung như biểu số 2.10

Biểu số 2.8. Phiếu xuất kho số 12-010

Công ty cổ phần công nghiệp điện HP

Mẫu số: 02-VTĐịa chỉ : Số 3KM92 đường 5 mới,
P.HùngVương,Q.HồngBàng, HP(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 16 tháng 12 năm 2017

Số 12-010

Nợ TK 632:

Có TK 156 :

Họ và tên người nhận hàng : Lê Thảo Nguyên

Địa chỉ : **Công ty TNHH công nghệ Phương Vũ**

Lý do xuất kho : Xuất hàng bán cho khách

Xuất kho (ngăn lô) : tại kho K1

| STT | Tên sản phẩm | Mã số | ĐVT | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|--------------|-------|------|----------|-----------|---------|------------|
| | | | | Yêu cầu | Thực xuất | | |
| 1 | Dây cáp điện | | Cuộn | 20 | 20 | | |
| | Cộng | | | | | | |

Tổng số tiền (Viết bằng chữ) :

Ngày 16 tháng 12 năm 2017

**Người lập
phiếu**

(Ký, họ tên)

**Người nhận
hàng**

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

**Kế toán
trưởng**

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

Biểu số 2.9: Sổ chi tiết hàng hóa.

Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Điện Hải Phòng.

Mẫu số: S10-DN

Địa chỉ: Số 3 Km đường 5 mới, P.Hùng Vương,Q.Hồng Bàng,Tp.Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 200/ Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài

Chính 2014/TT-BTC

SỔ CHI TIẾT HÀNG HÓA

Tháng 12 năm 2017

Tài khoản: 156

Tên quy cách hàng hóa: Dây cáp điện

| Chứng từ | | Diễn giải | ĐTV | TK đối ứng | Đơn giá | Nhập | | Xuất | | Tồn | |
|----------|-------|------------------------|-------------------|------------|-----------------------|------|------------|------|------------|------------------|--------------------------|
| SH | NT | | | | | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền |
| | | <u>SDDK T12</u> | <u>cái</u> | | <u>250.000</u> | | | | | <u>50</u> | <u>12.500.000</u> |
| | | | | ... | | | | | | | |
| PN05/12 | 05/12 | Nhập kho | cái | 331 | 235.000 | 100 | 23.500.000 | | | 150 | 35.250.000 |
| | | | | ... | ... | ... | ... | | ... | | |
| PX16/12 | 16/12 | Xuất kho | cái | 632 | | | | 20 | | 130 | |
| | | ... | | ... | ... | | ... | | ... | ... | ... |
| | | Cộng | | | | 100 | 23.500.000 | 20 | 4.800.000 | | |
| | | SDCK | | | | | | | | 130 | 624.000.000 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ví dụ minh họa 2:

Ngày 24/12, doanh nghiệp tiến hành xuất bán 10 bộ đèn Led trang trí cho công ty TNHH Lighting Gia Hải theo HĐ số 0001480

- 3
- Cuối tháng, kế toán tiến hành xác định đơn giá xuất kho rồi lập phiếu xuất kho số 12-023 (biểu số 2.9)
 - Để xác định giá vốn hàng bán (theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì), được biết:
 - + Đèn Led có số lượng tồn kho đầu kỳ: 20 bộ với đơn giá 3.250.000đ/bộ.
 - + Tổng nhập trong kì của đèn led là: 80 bộ với tổng giá trị là 240.000.000 đ.
 - + Tổng xuất trong kì của đèn led là: 10 bộ
 - Kế toán tính trị giá xuất kho 10 bộ đèn led như sau:

$$\begin{aligned}
 \text{Giá bình quân 1 bộ đèn led trong kỳ} &= \frac{(20 \times 3.250.000) + 240.000.000}{20 + 80} \\
 &= 3.050.000 \\
 \\
 \text{Giá thực tế của bộ đèn led xuất kho trong kỳ} &= 3.050.000 \times 10 \\
 &= 30.500.000
 \end{aligned}$$

Kế toán định khoản giá vốn bán hàng :

Nợ TK 632 : 30.500.000

Có TK 156 : 30.500.000

⇒ Từ đó ghi vào sổ nhật ký chung như biểu số 2.10

Biểu số 2.10. Phiếu xuất kho số 12-023

Công ty cổ phần công nghiệp điện HP

Mẫu số: 02-VT

Địa chỉ : Số 3KM92 đường 5 mới,

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-

P.Hùng Vương, Q.Hồng Bàng, HP

BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 24 tháng 12 năm 2017

Số 12-023

Nợ TK 632:

Có TK 156 :

Họ và tên người nhận hàng : Bùi Thị Tuyết

Địa chỉ : **Công ty TNHH Lighting Gia Hải**

Lý do xuất kho : Xuất hàng bán cho khách

Xuất kho (ngăn lô) : tại kho K1

| STT | Tên sản phẩm | Mã số | ĐVT | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|--------------|-------|-----|----------|-----------|---------|------------|
| | | | | Yêu cầu | Thực xuất | | |
| 1 | Đèn led | | Bộ | 10 | 10 | | |
| | Cộng | | | | | | |

Tổng số tiền (Viết bằng chữ) :

Ngày 24 tháng 12 năm 2017

| | | | | |
|----------------------------|----------------------------|----------------|---------------------------|-----------------|
| Người lập phiếu | Người nhận hàng | Thủ kho | Kế toán trưởng | Giám đốc |
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |

(Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

Biểu số 2.11: Sổ chi tiết hàng hóa.

Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Điện Hải Phòng.

Mẫu số: S10-DN

Địa chỉ: Số 3 Km đường 5 mới, P.Hùng Vương,Q.Hồng Bàng,Tp.Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 200/ Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài

Chính 2014/TT-BTC

SỔ CHI TIẾT HÀNG HÓA

Tháng 12 năm 2017

Tài khoản: 156

Tên quy cách hàng hóa: Đèn led

| Chứng từ | | Diễn giải | ĐTV | TK đối ứng | Đơn giá | Nhập | | Xuất | | Tồn | |
|----------|-------|------------------------|-------------------|------------|-------------------------|------|-------------|------|------------|------------------|--------------------------|
| SH | NT | | | | | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền |
| | | <u>SDDK T12</u> | <u>cái</u> | | <u>3.250.000</u> | | | | | <u>20</u> | <u>65.000.000</u> |
| | | | | ... | | | | | | | |
| PN05/12 | 05/12 | Nhập kho | cái | 331 | 3.000.000 | 80 | 240.000.000 | | | 100 | 300.000.000 |
| | | | | ... | ... | ... | ... | | ... | | |
| PX16/12 | 16/12 | Xuất kho | cái | 632 | | | | 10 | | 90 | |
| | | ... | | ... | ... | | ... | | ... | ... | ... |
| | | Cộng | | | | 80 | 240.000.000 | 10 | 30.500.000 | | |
| | | SDCK | | | | | | | | 90 | 274.500.000 |

Kế toán ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.10. Trích sổ nhật ký chung

Công ty cổ phần công nghiệp điện HP
Địa chỉ: Số 3 KM92 đường 5 mới,
P.HùngVương,Q.HồngBàng, Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2017

Đơn vị tính : VNĐ

| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Số phát sinh | |
|----------|----------------------|-------|---|------|------------------------|------------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | Sổ chi tiết hàng hóa | 31/12 | Bán dây cáp điện cho công ty TNHH công nghệ Phương Vũ | 632 | 4.800.000 | |
| | | | | 156 | | 4.800.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | Sổ chi tiết hàng hóa | 31/12 | Bán đèn led trang trí cho công ty TNHH Lighting Gia Hải | 632 | 30.500.000 | |
| | | | | 156 | | 30.500.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Cộng lũy kế từ đầu năm | | 847.508.093.508 | 847.508.093.508 |

(Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

Căn cứ vào nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK632 (biểu số 2.13)

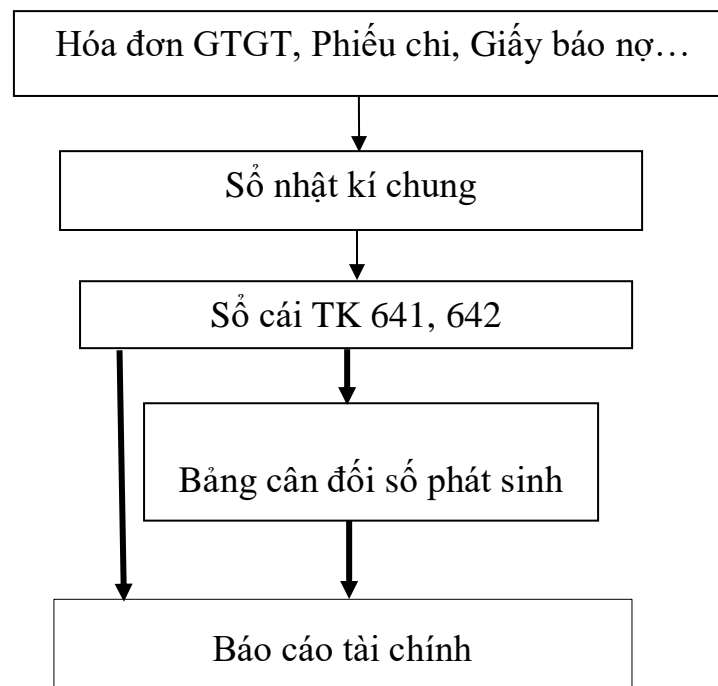
Biểu số 2.11. Trích sổ cái TK 632

| Công ty cổ phần công nghiệp điện HP Địa chỉ : Số 3 KM92 đường 5 mới, P.Hùng Vương, Q.Hồng Bàng, Hải Phòng | | | Mẫu số: S03b-DN (Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính) | | | |
|---|-------------------------|-------|--|------------|------------------------------|------------------------------|
| SỔ CÁI | | | | | | |
| Năm 2017 | | | | | | |
| Tên tài khoản : Giá vốn hàng bán | | | | | | |
| Số hiệu : 632 | | | | | | |
| Đơn vị tính : VNĐ | | | | | | |
| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | SH TKĐƯ | Số phát sinh | |
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu năm | | | |
| | | | Số phát sinh | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | Số chi tiết hàng hóa | 31/12 | Bán dây cáp điện cho công ty TNHH công nghệ Phương Vũ | 156 | 4.800.000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | Số chi tiết hàng hóa | 31/12 | Bán đèn led cho công ty TNHH Lighting Gia Hải | 156 | 30.500.000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT33 | 31/12 | Kết chuyển giá vốn hàng bán | 911 | | 69.636.947.360 |
| | | | Cộng lũy kế từ đầu năm | | <u>69.636.947.360</u> | <u>69.636.947.360</u> |
| | | | Số dư cuối năm | | | |

(Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

- Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu chi
 - Giấy báo nợ
 - Bảng thanh toán lương, bảng tính và phân bổ KH
 - Các chứng từ khác có liên quan...
- Sổ kế toán sử dụng :
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái TK 641 : Chi phí bán hàng
 - Sổ cái TK 642 : Chi phí quản lý DN
- Quy trình hạch toán

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \longrightarrow

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng

- ***Ví dụ minh họa 1 :***

Ngày 5/12, công ty chi tiền in catalog tại công ty TNHH in và quảng cáo Hợp Thành cho bộ phận bán hàng để giới thiệu, quảng cáo sản phẩm, số tiền 8.800.000 đồng (thuế VAT 10%)

- Định khoản

Nợ TK 641 : 8.000.000

Nợ TK 133 : 800.000

Có TK 112 : 8.800.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0001350 (Biểu số 2.12), kế toán tiến hành lập phiếu chi số 12-40 (Biểu số 2.13) sau đó tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.16)

Biểu số 2.12. Hóa đơn GTGT số HĐ 0001350

| HÓA ĐƠN | | Mẫu số : 01GTKT3/001 | | | |
|---|------------------------|----------------------------------|----------|---|------------|
| GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | Ký hiệu : AA/16P | | | |
| Liên 2 : Giao khách hàng | | Số : 0001350 | | | |
| Ngày 5 tháng 12 năm 2017 | | | | | |
| Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH in và quảng cáo Hợp Thành | | | | | |
| Mã số thuế : 0200 584 458 | | | | | |
| Địa chỉ: Số 254 Đường Lê Lợi, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng | | | | | |
| Điện thoại : 0225.3853973 | | | | | |
| Số tài khoản : 0044 1923 0008 | | | | | |
| Tên đơn vị : Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng | | | | | |
| Mã số thuế : 0200 435 862 | | | | | |
| Địa chỉ : Số 3 km 92 đường 5 mới, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng. | | | | | |
| Hình thức thanh toán : | | Chuyển khoản | | Số tài khoản : | |
| STT | Tên hàng hóa , dịch vụ | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| 1 | In catalog quảng cáo | | | | 8.000.000 |
| Cộng tiền hàng : | | | | | 8.000.000 |
| Thuế GTGT : 10% | | Tiền thuế GTGT : | | | 800.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán : | | | | | 8.800.000 |
| Số tiền viết bằng chữ : Tám triệu tám trăm nghìn đồng chẵn. | | | | | |
| Người mua hàng (đã ký) | | Người bán hàng (đã ký) | | Thủ trưởng đơn vị (đã ký và đóng dấu) | |
| <i>(Cần đối chiếu kiểm tra khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i> | | | | | |

(Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

Biểu số 2.13. Phiếu chi số 12-40

Công ty cổ phần công nghiệp điện HP
 Địa chỉ: Số 3 km 92, đường 5 mới,
 P. Hùng Vương, Q. Hồng Bàng,
 TP.Hải Phòng.

Mẫu số 02 - TT
 (Ban hành theo Thông tư
 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU CHI

Ngày 5 tháng 12 năm 2017

Số: 12-040

Nợ TK641: 8.000.000

Nợ TK133: 800.000

Có TK111: 8.800.000

Họ và tên người nhận tiền: Bùi Anh Đức
 Địa chỉ: Công ty TNHH in và quảng cáo Hợp Thành
 Lý do chi: chi tiền in catalog quảng cáo
 Số tiền: 8.800.000
 Viết bằng chữ: Tám triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.
 Kèm theo: HĐ GTGT số 0001350

Ngày 5 tháng 12 năm 2017

Người lập phiếu
(kí, họ tên)

Người nhận tiền
(kí, họ tên)

Thủ quỹ
(kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(kí, họ tên)

Giám đốc
(kí, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Tám triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.

(Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

- ***Ví dụ minh họa 2:***

Ngày 14/12, công ty chi tiền mua nước khoáng Vital 0.5l tại công ty TNHH Nước khoáng Vital theo hóa đơn GTGT số 0001442, đã thanh toán bằng tiền mặt.

- Định khoản

Nợ TK 642: 700.000

Nợ TK 133 : 70.000

Có TK 111: 770.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0001442 (Biểu số 2.14), kế toán tiến hành lập phiếu chi số 12-55 (Biểu số 2.15) sau đó tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.16)

Biểu số 2.14. Hóa đơn GTGT số HD0001442

| | | | | | |
|---|----------------------------------|---|------------------|----------------|-------------------|
| HÓA ĐƠN | Mẫu số : 01GTKT3/001 | | | | |
| GIÁ TRỊ GIA TĂNG | Ký hiệu : AA/16P | | | | |
| Liên 2 : Giao khách hàng | Số : 0001442 | | | | |
| Ngày 14 tháng 12 năm 2017 | | | | | |
| Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Nước khoáng Vital | | | | | |
| Mã số thuế : 0200 619 127 | | | | | |
| Địa chỉ: Số 2/52 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải, quận Hải An, Hải Phòng | | | | | |
| Điện thoại : 0225.365492 | | | | | |
| Số tài khoản : | | | | | |
| Tên đơn vị : Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng | | | | | |
| Mã số thuế : 0200 435 862 | | | | | |
| Địa chỉ : Số 3 km 92 đường 5 mới, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng. | | | | | |
| Hình thức thanh toán : | Tiền mặt | Số TK : | | | |
| STT | Tên hàng hóa , dịch vụ | DVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| 1 | Nước Vital 0.5l | Thùng | 10 | 70.000 | 700.000 |
| Cộng tiền hàng : | | | | | 700.000 |
| Thuế GTGT : 10% | | | Tiền thuế GTGT : | | 70.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán : | | | | | 770.000 |
| Số tiền viết bằng chữ : Bảy trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn. | | | | | |
| Người mua hàng (đã ký) | Người bán hàng (đã ký) | Thủ trưởng đơn vị (đã ký và đóng dấu) | | | |
| <i>(Cần đối chiếu kiểm tra khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i> | | | | | |

(Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

Biểu số 2.15. Phiếu chi số 12-55

Công ty cổ phần công nghiệp điện HP
Địa chỉ: Số 3 km 92, đường 5 mới, Phường
Hùng Vương, Quận Hồng Bàng,
TP.Hải Phòng.

Mẫu số 02 - TT
(Ban hành theo Thông tư
200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU CHI

Ngày 14 tháng 12 năm 2017

Số: 12-055

Nợ TK642 : 700.000

Nợ TK133: 70.000

Có TK111: 770.000

Họ và tên người nhận tiền: Trịnh Kim Chi

Địa chỉ: Công ty TNHH Nước khoáng Vital

Lý do chi: Chi tiền mua nước uống Vital 0.5l.

Số tiền: 770.000

Viết bằng chữ: Bảy trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: HĐ GTGT số 0001442.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017

Người lập phiếu
(kí, họ tên)

Người nhận tiền
(kí, họ tên)

Thủ quỹ
(kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(kí, họ tên)

Giám đốc
(kí, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Bảy trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn.

(Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

Biểu 2.16. Trích sổ nhật ký chung

| Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng Địa chỉ: Số 3 KM 92, đường 5 mới, P.Hùng Vương, Q.Hồng Bàng, Hải Phòng | | | | Mẫu số: S03a-DN (Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính) | | |
|---|----------------------|-------|-----------------------------------|--|-------------------------------|-------------------------------|
| SỔ NHẬT KÝ CHUNG Năm 2017 | | | | | | |
| Đơn vị tính : VNĐ | | | | | | |
| NTGS | Chứng từ | | Diễn giải | SHTK ĐƯ | Số phát sinh | |
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 5/12 | PC12-40 HĐ0001350 | 5/12 | Chi tiền in catalog quảng cáo | 641 | 8.000.000 | |
| | | | | 133 | 800.000 | |
| | | | | 111 | | 8.800.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 14/12 | PC12-55 HĐ0001442 | 14/12 | Chi tiền mua nước Vital | 642 | 700.000 | |
| | | | | 133 | 70.000 | |
| | | | | 111 | | 770.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Cộng lũy kế từ đầu năm | | <u>847.508.093.508</u> | <u>847.508.093.508</u> |

(Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán tiền hành ghi sổ cái TK641
(biểu số 2.17) và sổ cái TK 642 (Biểu số 2.18)

Biểu số 2.17. Trích sổ cái TK 641

| Công ty cổ phần công nghiệp điện HP | | | Mẫu số: S03b-DN | | | |
|---|----------------------|-------|--|------------|--------------------|--------------------|
| Địa chỉ : Số 3 KM 92, đường 5 mới, P.HùngVương,Q.HồngBàng,HP | | | (Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính) | | | |
| SỔ CÁI | | | | | | |
| Năm 2017 | | | | | | |
| Tên TK : Chi phí bán hàng | | | | | | |
| Số hiệu : 641 | | | | | | |
| Đơn vị tính : VNĐ | | | | | | |
| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | SH TKĐƯ | Số phát sinh | |
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu năm | | | |
| | | | Số phát sinh | | | |
| ... | ... | ... | | ... | ... | ... |
| 5/12 | HĐ0001350 PC12-40 | 5/12 | Chi tiền in catalog | 112 | 8.000.000 | |
| ... | ... | ... | | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT33 | 31/12 | Kết chuyên chi phí bán hàng | 911 | | 570.956.986 |
| | | | Cộng lũy kế từ đầu năm | | 570.956.986 | 570.956.986 |
| | | | Số dư cuối năm | | | |
| (Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng) | | | | | | |

Biểu số 2.18. Trích sổ cái TK 642

Công ty cổ phần công nghiệp điện HP

Mẫu số: S03b-DN

Địa chỉ : Số 3 KM 92, đường 5 mới,
P.HùngVương,Q.HồngBàng,HP(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**SỔ CÁI**

Năm 2017

Tên TK : Chi phí quản lý DN

Số hiệu : 642

Đơn vị tính : VNĐ

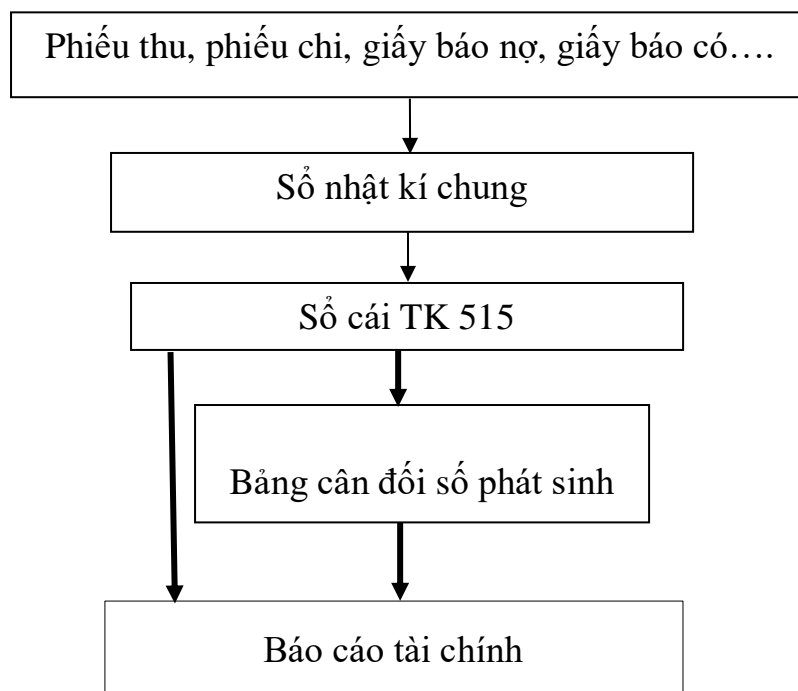
| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | SH TKĐƯ | Số phát sinh | |
|----------|----------------------|-------|-------------------------------------|------------|----------------------|----------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu năm | | | |
| | | | Số phát sinh | | | |
| ... | ... | ... | | ... | ... | ... |
| 14/12 | PC12-55 HĐ0001442 | 14/12 | Chi tiền mua nước uống Vital | 111 | 700.000 | |
| ... | ... | ... | | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT33 | 31/12 | Kết chuyển chi phí quản lý DN | 911 | | 9.311.980.691 |
| | | | Cộng lũy kể từ đầu năm | | 9.311.980.691 | 9.311.980.691 |
| | | | Số dư cuối năm | | | |

(Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng

2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

- Chứng từ kế toán sử dụng:
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Phiếu thu, phiếu chi
 - + Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng.
 - + Các chứng từ khác có liên quan
- Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng:
 - + Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.
 - + Sổ nhật ký chung.
 - + Sổ cái TK 515 và các sổ sách liên quan khác.
- Quy trình hạch toán:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \longrightarrow

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng

- ***Ví dụ minh họa 1:***

Ngày 31/12, công ty nhận giấy báo có thông báo lãi tiền gửi Ngân hàng , số tiền 2.147.988 đồng bằng chuyển khoản.

- Định khoản :

Nợ TK 112 : 2.147.988

 Có TK 515: 2.147.988

Căn cứ vào giấy báo có số 05974 (Biểu số 2.19) , kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (biểu số 2.20) và từ nhật ký chung vào sổ cái (biểu số 2.21). Cuối kỳ căn cứ vào các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Biểu số 2.19. Giấy báo Có của ngân hàng Techcombank**GIẤY BÁO CÓ**

Ngày 31/12/2017

Mã GDV: LNC

Mã KH : 29453

Số GD: 05974

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ thương Việt Nam

Chi nhánh: TECHCOMBANK - Hải Phòng

Kính gửi : **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐIỆN HẢI PHÒNG**

Mã số thuế :

Hôm nay chúng tôi xin báo đã được ghi CÓ tài khoản của Quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có: 10920031151015

Số tiền bằng số: 2.147.988

Số tiền bằng chữ: Hai triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm tám tám đồng

Nội dung: Lãi tiền gửi

GIAO DỊCH VIÊN**KIỂM SOÁT**

(Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

Biểu số 2.20 . Trích sổ nhật ký chung

Công ty cổ phần công nghiệp điện HP
Địa chỉ: Số 3 KM92 đường 5 mới,
P.HùngVương,Q.HồngBàng, Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2017

Đơn vị tính : VNĐ

| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Số phát sinh | |
|----------|-----------|-------|---|-------------------|------------------------|------------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 8/12 | PC 12-31 | 8/12 | Thanh toán cước viễn thông tháng 11 | 642 133 111 | 984.067 98.407 | 1.082.474 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | GBC 05974 | 31/12 | Nhận lãi tiền gửi | 112 515 | 2.147.988 | 2.147.988 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Cộng lũy kế từ đầu năm | | 847.508.093.508 | 847.508.093.508 |

(Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán tiền hành ghi sổ cái TK515

(Biểu số 2.21)

Biểu số 2.21. Trích sổ cái TK 515

Công ty cổ phần công nghiệp điện HP

Địa chỉ: Số 3 KM92 đường 5 mới,
P.HùngVương,Q.HồngBàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN

(Ban hành theo TT số 200/2014 -BTC ngày
22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên TK : Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu : 515

Đơn vị tính : VNĐ

| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | SH TKĐƯ | Số phát sinh | |
|----------|-----------|-------|--|------------|-------------------|-------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu năm | | | |
| | | | Số phát sinh | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | GBC 05974 | 31/12 | Nhận lãi tiền gửi | 112 | | 2.147.988 |
| 31/12 | PKT32 | 31/12 | Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính | 911 | 15.952.700 | |
| | | | Cộng lũy kể từ đầu năm | | 15.952.700 | 15.952.700 |
| | | | Số dư cuối năm | | | |

(Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

2.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Trong kỳ công ty không phát sinh các khoản chi phí hoạt động tài chính.

2.2.5 Kế toán doanh thu và chi phí khác của công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng

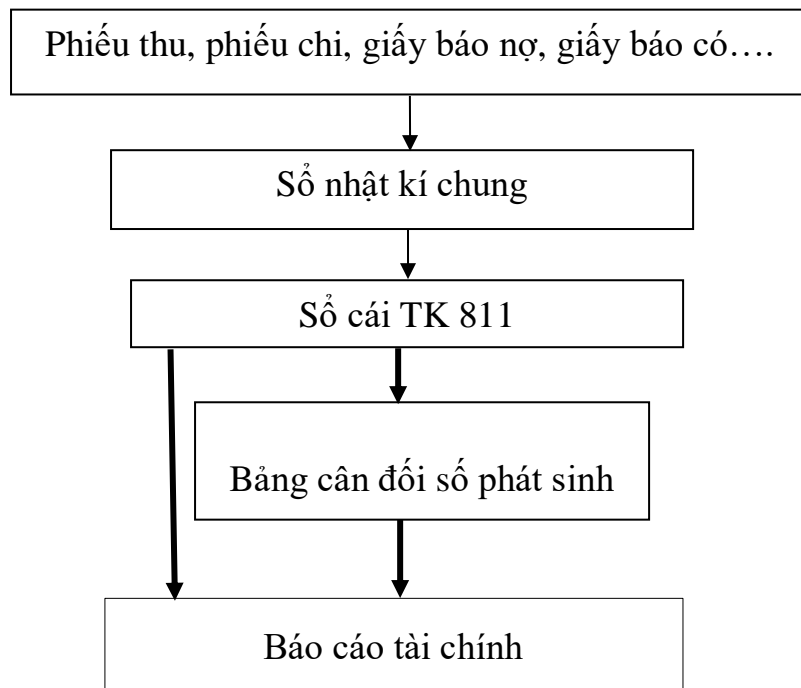
2.2.5.1. Kế toán doanh thu khác

Trong năm 2017, công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến tài khoản 711

2.2.5.2. Kế toán chi phí khác

- Chứng từ sử dụng:
 - + Phiếu thu, Phiếu chi
 - + Giấy báo nợ, giấy báo có của Ngân hàng
 - + Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
 - + Các chứng từ khác có liên quan...
- Sổ sách kế toán sử dụng:
 - + Sổ nhật ký chung
 - + Sổ cái TK 811

➤ Quy trình hạch toán:

**Ghi chú:**Ghi hàng ngày: \longrightarrow Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \longrightarrow **Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán chi phí khác tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng**• **Ví dụ minh họa:**

Ngày 20/12, doanh nghiệp thuê công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế xây dựng Đức Việt phá dỡ nhà xưởng cũ theo HĐ số 0001492, số tiền 327.380.000 đồng (chưa thuế VAT 10%), doanh nghiệp đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Định khoản:

Nợ TK 811: 327.380.000

Nợ TK 133: 32.738.000

Có TK 112: 360.118.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0001492 (Biểu số 2.22), kế toán tiến hành lập phiếu chi số 12-47 (Biểu số 2.23) sau đó tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.24)

Biểu số 2.22. Hóa đơn GTGT số HĐ 0001492

| HÓA ĐƠN | | Mẫu số : 01GTKT3/001 | | | |
|---|------------------------|----------------------------------|----------|---|-------------|
| GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | Ký hiệu : AA/16P | | | |
| Liên 2 : Giao khách hàng | | Số : 0001492 | | | |
| Ngày 5 tháng 12 năm 2017 | | | | | |
| Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần tư vấn Thiết kế xây dựng Đức Việt | | | | | |
| Mã số thuế : 0200 785 444 | | | | | |
| Địa chỉ: Số 42/34 Hàng Kênh, Lê Chân , Hải Phòng | | | | | |
| Điện thoại : 0225.785 003 | | | | | |
| Số tài khoản : 0044 3478 2291 | | | | | |
| Tên đơn vị : Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng | | | | | |
| Mã số thuế : 0200 435 862 | | | | | |
| Địa chỉ : Số 3 km 92 đường 5 mới, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng. | | | | | |
| Hình thức thanh toán : | | Chuyển khoản | | Số tài khoản : | |
| STT | Tên hàng hóa , dịch vụ | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| 1 | Phá dỡ nhà xưởng cũ | | | | 327.380.000 |
| Cộng tiền hàng : | | | | | 327.380.000 |
| Thuế GTGT : 10% | | Tiền thuế GTGT : | | 32.738.000 | |
| Tổng cộng tiền thanh toán : | | | | | 360.118.000 |
| Số tiền viết bằng chữ : Ba trăm sáu mươi triệu một trăm mười tám nghìn đồng chẵn. | | | | | |
| Người mua hàng (đã ký) | | Người bán hàng (đã ký) | | Thủ trưởng đơn vị (đã ký và đóng dấu) | |
| <i>(Cần đối chiếu kiểm tra khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i> | | | | | |

(Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

Biểu số 2.23. Phiếu chi số 12-47

Công ty cổ phần công nghiệp điện HP
Địa chỉ: Số 3 km 92, đường 5 mới, Phường
Hùng Vương, Quận Hồng Bàng,
TP.Hải Phòng.

Mẫu số 02 - TT
(Ban hành theo Thông tư
200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU CHI

Ngày 20 tháng 12 năm 2017

Số: 12-047

Nợ TK811 : 327.380.000
Nợ TK133: 32.738.000
Có TK111: 360.118.000

Họ và tên người nhận tiền: Phạm Hoàng Dự
Địa chỉ: Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế xây dựng Đức Việt
Lý do chi: Thanh toán tiền thuê phá dỡ nhà xưởng cũ
Số tiền: 360.118.000
Viết bằng chữ: Ba trăm sáu mươi triệu một trăm mười tám nghìn đồng chẵn.
Kèm theo: HĐ GTGT số 0001492.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017

| Người lập phiếu (kí, họ tên) | Người nhận tiền (kí, họ tên) | Thủ quỹ (kí, họ tên) | Kế toán trưởng (kí, họ tên) | Giám đốc (kí, họ tên) |
|--|--|--------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|
|--|--|--------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Ba trăm sáu mươi triệu một trăm mười tám nghìn đồng chẵn.

(Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

Biểu số 2.24 . Trích sổ nhật ký chung

Công ty cổ phần công nghiệp điện HP
Địa chỉ: Số 3 KM92 đường 5 mới,
P.HùngVương,Q.HồngBàng, Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2017

Đơn vị tính : VNĐ

| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Số phát sinh | |
|----------|------------------------|-------|---|-------------------|---------------------------|------------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 20/12 | HĐ0001492 PC 12-047 | 20/12 | Thanh toán tiền phá dỡ nhà xưởng cũ Cty CP Đức Việt | 811 133 112 | 327.380.000 32.738.000 | 360.118.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | GBN 03497 | 31/12 | Nộp tiền chậm nộp thuế GTGT | 811 1121 | 24.620.566 | 24.620.566 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Cộng lũy kế từ đầu năm | | 847.508.093.508 | 847.508.093.508 |

(Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán tiền hành ghi sổ cái TK811

(biểu số 2.25)

Biểu số 2.25. Trích sổ cái TK 811

Công ty cổ phần công nghiệp điện HP
Địa chỉ : Số 3 KM 92, đường 5 mới,
P.HùngVương,Q.HồngBàng,HP

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên TK : Chi phí khác

Số hiệu : 811

Đơn vị tính : VNĐ

| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | SH TKĐƯ | Số phát sinh | |
|----------|-----------------------|-------|---|------------|----------------------|----------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu năm | | | |
| | | | Số phát sinh | | | |
| ... | ... | ... | | ... | ... | ... |
| 20/12 | HĐ0001492 PC12-047 | 20/12 | Chi tiền thuê phá dỡ nhà xưởng cũ | 112 | 327.380.000 | |
| ... | ... | ... | | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT33 | 31/12 | Kết chuyển chi phí khác | 911 | | 2.371.402.470 |
| | | | Cộng lũy kế từ đầu năm | | 2.371.402.470 | 2.371.402.470 |
| | | | Số dư cuối năm | | | |

(Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng xác định kết quả kinh doanh vào cuối kỳ kế toán. Công thức xác định kết quả kinh doanh của công ty.

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Kết quả hoạt động kinh doanh} + \text{Kết quả hoạt động khác}$$

Trong đó:

Kết quả hoạt động kinh doanh:

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí bán hàng, QLDN}$$

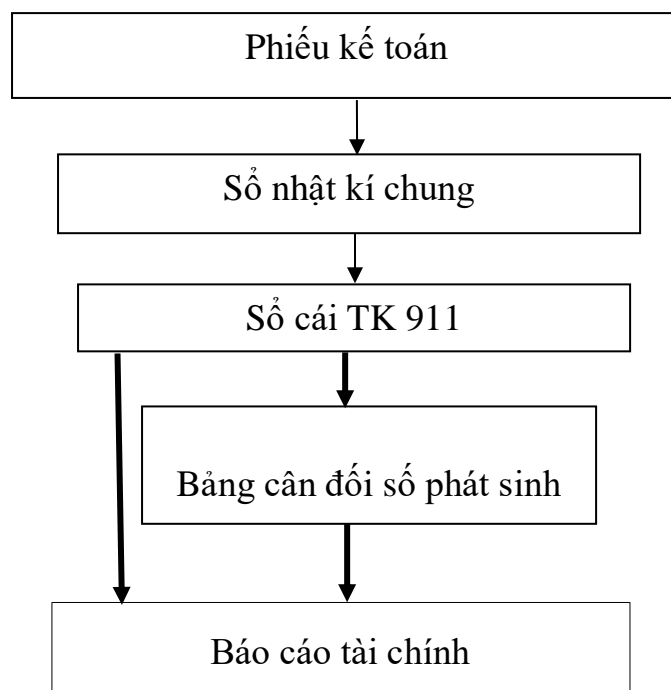
$$\text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

Kết quả hoạt động khác:

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

- Chứng từ sử dụng:
 - + Phiếu kế toán.
- Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ nhật ký chung
 - + Sổ cái TK 911, 821, 421...

➤ Quy trình hạch toán:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \longrightarrow

Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng

- **Ví dụ minh họa:**

Xác định kết quả kinh doanh năm 2017:

| | | |
|--|---|-----------------|
| - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | : | 82.177.345.842 |
| - Doanh thu tài chính | : | 15.952.700 |
| - Doanh thu khác | : | 0 |
| - Giá vốn hàng bán | : | 69.636.947.360 |
| - Chi phí tài chính | : | 0 |
| - Chi phí bán hàng | : | 570.956.986 |
| - Chi phí quản lý doanh nghiệp | : | 9.311.980.691 |
| - Chi phí khác | : | 2.371.402.470 |
| - Lợi nhuận về bán hàng và cung cấp dịch vụ: | | |
| = 82.177.345.842 - 69.636.94.360 | | |
| = 12.540.398.482 | | |
| - Kết quả hoạt động kinh doanh : | | |
| = (12.540.398.482 +15.952.700) – (0+570.956.986+9.311.980.691) | | |
| = 2.673.413.505 | | |
| - Kết quả hoạt động khác | : | (2.371.402.470) |
| ⇒ Kết quả kinh doanh = 2.673.413.505 - 2.371.402.470 | | |
| = 302.011.035 | | |

➤ Trong năm 2017 doanh nghiệp đạt lợi nhuận trước thuế :

- Xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:

$$302.011.035 \times 20\% = 60.402.207$$

- Xác định lợi nhuận sau thuế:

$$302.011.035 - 60.402.207 = 241.608.828$$

Để kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, kế toán tiến hành lập các phiếu kế toán số 32, 33, 34, 35,36 (**Biểu số 2.26, 2.27, 2.28, 2.29, 2.30**)

Từ Phiếu kế toán ghi sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.31**) sau đó từ Sổ Nhật ký chung phản ánh sổ cái TK 911 (**Biểu số 2.32**), sổ cái TK 821 (**Biểu số 2.33**), sổ cái TK 421 (**Biểu số 2.34**).

Biểu số 2.26. Phiếu kế toán số 32

Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng
 Địa chỉ: Số 3Km 92, Đường 5 mới, P.Hùng Vương
 Q.Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 32

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

| STT | Nội dung | TK Nợ | TK Có | Số tiền |
|-----|--|-------|-------|-----------------------|
| 1 | Kết chuyển doanh thu bán hàng | 511 | 911 | 82.177.345.842 |
| 2 | Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính | 515 | 911 | 15.952.700 |
| | Cộng | | | 82.193.298.542 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

Biểu số 2.27 . Phiếu kế toán số 33

Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng
Địa chỉ: Số 3Km 92, Đường 5 mới, P.Hùng Vương
Q.Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 33

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

| STT | Nội dung | TK Nợ | TK Có | Số tiền |
|-----|---|-------|-------|-----------------------|
| 1 | Kết chuyển giá vốn hàng bán | 911 | 632 | 69.636.947.360 |
| 2 | Kết chuyển chi phí bán hàng | 911 | 641 | 570.956.986 |
| 3 | Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp | 911 | 642 | 9.311.980.691 |
| 4 | Kết chuyển chi phí khác | 911 | 811 | 2.371.402.470 |
| | Cộng | | | 81.891.287.507 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

Biểu số 2.28. Phiếu kế toán số 34

Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng
Địa chỉ: Số 3Km 92, Đường 5 mới, P.Hùng Vương
Q.Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 34

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

| STT | Nội dung | TK Nợ | TK Có | Số tiền |
|-----|--------------------|-------|-------|-------------------|
| 1 | Thuế TNDN phải nộp | 821 | 3334 | 60.402.207 |
| | Cộng | | | 60.402.207 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

Biểu số 2.29. Phiếu kế toán số 35

Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng
 Địa chỉ: Số 3Km 92, Đường 5 mới, P.Hùng Vương
 Q.Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 35

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

| STT | Nội dung | TK Nợ | TK Có | Số tiền |
|-----|------------------------------|-------|-------|-------------------|
| 1 | Kết chuyển chi phí thuế TNDN | 911 | 821 | 60.402.207 |
| | Cộng | | | 60.402.207 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

Biểu số 2.30. Phiếu kế toán số 36

Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng
Địa chỉ: Số 3Km 92, Đường 5 mới, P.Hùng Vương
Q.Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 36

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

| STT | Nội dung | TK Nợ | TK Có | Số tiền |
|-----|--|-------|-------|--------------------|
| 1 | Kết chuyển lợi nhuận sau thuế năm 2017 | 911 | 421 | 241.608.828 |
| | Cộng | | | 241.608.828 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

Biểu số 2.31. Trích sổ nhật ký chung (Nguồn: Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)
 Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng
 Địa chỉ: Số 3Km 92, Đường 5 mới, P.Hùng Vương
 Q.Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

| NTGS | Chứng từ | | Diễn giải | SHTK ĐƯ | Số phát sinh | |
|-------|----------|-------|---------------------------------|------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | Số trang trước chuyển sang | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT 32 | 31/12 | Kết chuyển doanh thu, thu nhập | 511 | 82.177.345.842 | |
| | | | | 515 | 15.952.700 | |
| | | | | 911 | | 82.193.298.542 |
| 31/12 | PKT 33 | 31/12 | Kết chuyển chi phí kinh doanh | 911 | 81.891.287.507 | |
| | | | | 632 | | 69.636.947.360 |
| | | | | 641 | | 570.956.986 |
| | | | | 642 | | 9.311.980.691 |
| | | | | 811 | | 2.371.402.470 |
| 31/12 | PKT 34 | 31/12 | Thuế TNDN phải nộp | 821 | 60.402.207 | |
| | | | | 3334 | | 60.402.207 |
| 31/12 | PKT 35 | 31/12 | Kết chuyển thuế TNDN phải nộp | 911 | 60.402.207 | |
| | | | | 821 | | 60.402.207 |
| 31/12 | PKT 36 | 31/12 | Kết chuyển lợi nhuận sau thuế | 911 | 241.608.828 | |
| | | | | 421 | | 241.608.828 |
| | | | Cộng lũy kể từ năm trước | | <u>847.508.093.508</u> | <u>847.508.093.508</u> |

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Giám đốc

Biểu số 2.32. Trích Sổ cái TK 911 (Nguồn: Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng
Địa chỉ: Số 3Km 92, Đường 5 mới, P.Hùng Vương
Q.Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên tài khoản : Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: VNĐ

| Chứng từ | | Diễn giải | SHTK ĐƯ | Số tiền | |
|----------|-------|--|------------|-----------------------|-----------------------|
| SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | <u>Số dư đầu năm</u> | | | |
| PKT32 | 31/12 | Kết chuyển doanh thu, bán hàng | 511 | | 82.177.345.842 |
| | | Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính | 515 | | 15.952.700 |
| PKT33 | 31/12 | Kết chuyển giá vốn hàng bán | 632 | 69.636.947.360 | |
| | | Kết chuyển chi phí bán hàng | 641 | 570.956.986 | |
| | | Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp | 642 | 9.311.980.691 | |
| | | Kết chuyển chi phí khác | 811 | 2.371.402.470 | |
| PKT35 | 31/12 | Kết chuyển chi phí thuế TNDN | 821 | 60.402.207 | |
| PKT36 | 31/12 | Kết chuyển lợi nhuận sau thuế | 421 | 241.608.828 | |
| | | Cộng số phát sinh năm | | 82.193.298.542 | 82.193.298.542 |
| | | <u>Số dư cuối năm</u> | | | |

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Giám đốc

Biểu số 2.33. Trích sổ cái TK 821 (Nguồn: Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng
Địa chỉ: Số 3Km 92, Đường 5 mới, P.Hùng Vương
Q.Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên tài khoản : Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

Đơn vị tính: VNĐ

| Chứng từ | | Diễn giải | SHTK ĐƯ | Số tiền | |
|----------|-------|------------------------------|------------|-------------------|-------------------|
| SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | <u>Số dư đầu năm</u> | | | |
| PKT34 | 31/12 | Thuế TNDN phải nộp | 3334 | 60.402.207 | |
| PKT35 | 31/12 | Kết chuyển chi phí thuế TNDN | 911 | | 60.402.207 |
| | | Cộng số phát sinh năm | | 60.402.207 | 60.402.207 |
| | | <u>Số dư cuối năm</u> | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.34. Trích sổ cái TK 421 (Nguồn: Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

Công ty cổ phần công nghiệp điện HP
Địa chỉ: Số 3Km 92, Đường 5 mới,
P.Hùng Vương, Q.Hồng Bàng, HP

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên tài khoản : Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: VNĐ

| Chứng từ | | Diễn giải | SHTK ĐƯ | Số tiền | |
|----------|-------|------------------------------|------------|---------|---------------------------|
| SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | <u>Số dư đầu năm</u> | | | <u>35.398.916</u> |
| PKT36 | 31/12 | Lợi nhuận sau thuế năm 2017 | 911 | | 241.608.828 |
| | | Cộng số phát sinh năm | | | 241.608.828 |
| | | <u>Số dư cuối năm</u> | | | <u>277.007.744</u> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.35. Bảng báo cáo kết quả kinh doanh

Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng
Địa chỉ : Số 3KM92, đường 5 mới,
P.Hùng Vương,Q.Hồng Bàng, HP

Mẫu số: B02-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-
BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2017

| STT | Chỉ tiêu | Mã | Thuyết minh | Số năm nay | Số năm trước |
|-----------|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1 | Doanh thu BH và cung cấp dịch vụ | 01 | | 82.177.345.842 | 125.798.329.976 |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 0 | 0 |
| 3 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | | 82.177.345.842 | 125.798.329.976 |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 11 | | 69.636.947.360 | 115.110.428.217 |
| 5 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 12.540.398.482 | 10.687.901.759 |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 15.952.700 | 22.660.351 |
| 7 | Chi phí tài chính | 22 | | 0 | 0 |
| | -Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 0 | 0 |
| 8 | Chi phí bán hàng | 24 | | 570.956.986 | 408.552.430 |
| 9 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 9.311.980.691 | 7.514.089.049 |
| 10 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(22+24+25)) | 30 | | 2.673.413.505 | 2.787.920.631 |
| 11 | Thu nhập khác | 31 | | 0 | 35.00.000 |
| 12 | Chi phí khác | 32 | | 2.371.402.470 | 2.503.824.185 |
| 13 | Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | (2.371.402.470) | (2.468.824.185) |
| 14 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 302.011.035 | 319.096.446 |
| 15 | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | 60.402.207 | 63.819.289 |
| 16 | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | 0 | |
| 17 | Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52) | 60 | | 241.608.828 | 255.277.157 |
| 18 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | 0 | 0 |
| 19 | Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | | 0 | 0 |

(Nguồn : Phòng kế toán công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng)

CHƯƠNG 3:**GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐIỆN HẢI PHÒNG****3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả nói riêng tại công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng****3.1.1 Ưu điểm***- Về công tác quản lý:*

+ Bộ máy quản lý gọn nhẹ giúp công ty hoạt động dễ dàng và nhanh chóng hơn. Ban lãnh đạo công ty luôn quan tâm và động viên cán bộ trong công ty rèn luyện về đạo đức, tinh thần cũng như kỹ năng nghiệp vụ, khuyến khích họ đoàn kết phấn đấu đi lên.

+ Đội ngũ cán bộ công nhân viên năng động, ham học hỏi, có trình độ và bộ máy lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm đến cán bộ nhân viên trong công ty.

- Về công tác kế toán:

+ Bộ máy kế toán của công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung. Việc áp dụng mô hình này rất phù hợp với đặc điểm ngành nghề, đặc điểm tổ chức quản lý cũng như quy mô kinh doanh của công ty.

+ Toàn bộ công việc ghi sổ, lập báo cáo đều được thực hiện ở phòng kế toán.

Như vậy, kế toán trưởng sẽ dễ dàng hơn trong việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc công việc của các kế toán viên, kịp thời sửa chữa những thiếu sót trong việc hạch toán và ghi sổ kế toán.

+ Các kế toán viên thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu nhằm đảm bảo thông tin chính xác cho kết quả hoạt động cuối cùng. Từ đó, ban Giám đốc công ty cũng như các đối tượng có liên quan như ngân hàng, cơ quan thuế, đối tác kinh doanh, nhà cung ứng,... sẽ có được thông tin mang tính xác thực cao, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán:*

+ Hiện nay, Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng đang áp dụng theo hình thức nhật ký chung, đây là hình thức kế toán đơn giản phổ biến cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh theo dõi theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.

+ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên giúp cho việc quản lý và theo dõi quá trình nhập, xuất, tồn diễn ra một cách dễ dàng.

+ Hệ thống chứng từ của công ty được luân chuyển và lưu trữ một cách hợp lý và khoa học. Sổ sách của công ty được ghi chép đầy đủ rõ ràng.

- *Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:*

+ *Về tổ chức kế toán doanh thu:* Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ, là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

+ *Về tổ chức kế toán chi phí:* Chi phí kinh doanh là một vấn đề hầu hết các doanh nghiệp quan tâm hàng đầu và luôn tìm cách để quản lý chi phí một cách chặt chẽ nhằm tránh tình trạng chi khổng, lãng phí, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Vì vậy mà mọi chi phí phát sinh tại công ty đều được kiểm soát một cách chặt chẽ.

+ *Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh:* Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác tình hình kinh doanh của công ty.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những mặt tích cực đã trình bày ở trên, hiện nay công tác kế toán của Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng còn có những bất cập chưa thật phù hợp với chế độ chung cũng như chưa thật sự khoa học chính xác và hợp lý. Những vấn đề này đòi hỏi kế toán phải phân tích cụ thể hơn và đưa ra phương hướng, biện pháp nhằm tiếp tục củng cố và hoàn thiện.

- Công ty vẫn chưa hạch toán chi tiết doanh thu- chi phí nhằm theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp cho từng mặt hàng

- Công ty vẫn chưa sử dụng phần mềm cho công tác kế toán: Ứng dụng của những thành tựu khoa học công nghệ giúp cho công tác kế toán nhanh

chóng và chính xác hơn. Tuy nhiên tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Thịnh, mặc dù đã dung máy vi tính để lưu trữ số liệu nhưng vẫn chỉ là phần mềm thông thường: Word, Excel,.. mà không sử dụng phần mềm kế toán như MISA, GAMA, Fast Accounting,..

- Về bộ máy kế toán: Tuy bộ phận kế toán đã có nhiều cố gắng nhưng do khối lượng công việc lớn làm nhân viên phải làm việc liên tục ảnh hưởng đến sức khỏe cán bộ công nhân viên. Nhân viên kế toán phải đảm nhận nhiều phần hành kế toán khác nhau.

- Về phương pháp hạch toán giá vốn: Do số lượng hàng hóa nhập và xuất trong kì mỗi lần tương đối ít, thậm chí có loại chỉ nhập và xuất một lần trong kì nên việc áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kì chưa thực sự phù hợp, chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng.

+ Trong cơ chế thị trường hiện nay, với sự khuyến khích mở cửa của Nhà nước đã xuất hiện không ít những doanh nghiệp tham gia vào các lĩnh vực kinh doanh khác nhau. Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, có nhiều công cụ khác nhau trong đó kế toán là một công cụ hữu hiệu trong nền kinh tế thị trường đầy rủi ro và tính cạnh tranh cao, mang lại nhiều lợi nhuận và tiết kiệm chi phí nhất đến mức có thể.

+ Mặt khác, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng chưa thực sự được hoàn thiện, vẫn còn tồn tại nhiều thiếu sót khiến các hoạt động của doanh nghiệp chưa phát huy hết được hiệu quả tối đa. Bởi vậy việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng là hết sức cần thiết.

+ Công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh hiệu quả sẽ giúp cho doanh nghiệp quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hóa và sử dụng các khoản chi phí, đồng thời giúp nhà quản lý nắm bắt được tình hình tài chính cũng như tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kì một cách chính xác và kịp thời. Từ đó giúp nhà quản lý xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển doanh nghiệp và quyết định đầu tư đúng đắn, đưa doanh nghiệp ngày càng phát triển bền vững.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng

Mục đích của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là kinh doanh có hiệu quả và tiết kiệm chi phí để đem lại lợi nhuận cao

Yêu cầu đặt ra trong công tác hoàn thiện tổ chức kế toán tại công ty kịp thời áp dụng các chuẩn mực kế toán mới nhất phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp mình.

Cung cấp số liệu thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như kiểm tra. Đảm bảo nguyên tắc về hệ thống chứng từ tài khoản sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán cũng như giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh

Để hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, doanh nghiệp cần tìm ra các biện pháp khắc phục những hạn chế thiếu sót đồng thời phát huy những ưu điểm đã đạt được trong công tác hạch toán.

3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng.

3.4.1 Kiến nghị 1 : Mở sổ chi tiết doanh thu, chi phí

- Lý do kiến nghị : Công tác kế toán tại công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng chưa mở sổ chi tiết doanh thu, chi phí cho từng mặt hàng.

- Mục tiêu của giải pháp : Tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý được cụ thể, chi tiết đến từng mặt hàng và theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp từng mặt hàng.

Cách thức tiến hành giải pháp : Công ty thực hiện mở sổ chi tiết bán hàng (biểu số 3.1) và sổ chi phí sản xuất kinh doanh (biểu số 3.2)

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

| Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng Địa chỉ : Số 3KM92, đường 5 mới, P.Hùng Vương,Q.Hồng Bàng, HP | | | | | Mẫu số: S35-DN (Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính) | | | | |
|--|----------|------------|-------------------|---------------------------------|---|---------|--|--------------------|-----------|
| SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): ... Tháng... năm.... | | | | | | | | | |
| Ngày tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Doanh thu | | | Các khoản tính trừ | |
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Thuế | Khác(521) |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | | Cộng số phát sinh | | | | | | |
| | | | -Doanh thu thuần | | | | | | |
| | | | -Giá vốn hàng bán | | | | | | |
| | | | -Lãi gộp | | | | | | |
| Người ghi sổ (ký, họ tên) | | | | Kế toán trưởng (ký, họ tên) | | | Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Giám đốc (ký, họ tên , đóng dấu) | | |

Biểu số 3.2 : Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng
Địa chỉ: Số 3KM 92, đường 5 mới,
P.Hùng Vương, Q.Hồng Bàng, HP

Mẫu số: S36-DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dành cho các TK 641, 642,...)

Tài khoản :

Tên sản phẩm dịch vụ :

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Ghi nợ tài khoản | | | | | | | | |
|--------------------------|----------|---------------|-------------------------------|------|--------------------|---------|--|--|--|--|--|--|--|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Tổng số tiền | Chia ra | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |
| A | B | C | D | E | | | | | | | | | |
| | | | Số dư đầu kì | | | | | | | | | | |
| | | | Số phát sinh trong kỳ | | | | | | | | | | |
| | | | Cộng số phát sinh trong kỳ | | | | | | | | | | |
| | | | Ghi có TK... | | | | | | | | | | |
| | | | Số dư cuối kì | | | | | | | | | | |

- Lấy ví dụ 1 ở phần doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0001446 ngày 16/12 xuất bán 20 cuộn dây cáp điện cho công ty TNHH công nghệ Phương Vũ, kế toán ghi sổ chi tiết TK 511 (Biểu số 3.3)

Biểu số 3.3 Sổ chi tiết bán hàng

| Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng Địa chỉ: Số 3km92, đường 5 mới, Hải Phòng | | | | Mẫu số: S35-DN (Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính) | | | | | |
|---|----------|--------------|-------------------|--|-----------|---------|---------------|--------------------|-----------|
| SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG | | | | | | | | | |
| Tài khoản : 511 | | | | | | | | | |
| Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Dây cáp điện | | | | | | | | | |
| Năm 2017 | | | | | | | | | |
| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Doanh thu | | | Các khoản tính trừ | |
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Thuế | Khác(521) |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 = 1*2 | 4 | 5 |
| | | | ... | | | | | | |
| 16/12 | HD1446 | Bán dây điện | | 111 | 20 | 350.000 | 7.000.000 | | |
| | | | ... | | | | | | |
| | | | Cộng số phát sinh | | | | 6.804.327.965 | | |
| | | | -Doanh thu thuần | | | | 4.554.933.741 | | |
| | | | -Giá vốn hàng bán | | | | | | |
| | | | -Lãi gộp | | | | 2.249.394.224 | | |
| Người ghi sổ | | | | Kế toán trưởng | | | Giám đốc | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2017 | | | | | | | | | |

- Lấy ví dụ 2 ở phần chi phí quản lý doanh nghiệp. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0001442 ngày 14/12, công ty mua nước khoáng Vital phục vụ nước uống cho các bộ phận, phòng ban quản lý trong doanh nghiệp, dựa vào PC số 12-55 kế toán ghi sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 6422 (Biểu số 3.4)

Biểu số 3.4 Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

| Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng Địa chỉ : Số 3km92, đường 5 mới, Hải Phòng | | | | | Mẫu số: S36-DN (Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính) | | |
|---|------------------------|---------------|----------------------------|------|---|---------|-------------------------|
| SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH (Dành cho các TK 641, 642, 632,...) Tài khoản : 6422 Tên sản phẩm dịch vụ : Nước khoáng Vital | | | | | | | |
| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Ghi nợ tài khoản | | |
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Tổng số tiền | Chia ra | |
| | | | | | | Giá mua | Chi phí thu mua phân bố |
| A | B | C | D | E | | | |
| | | | ... | | | | |
| 14/12 | HĐ 0001442 PC 12-55 | 14/12 | Xuất hàng theo HĐ 1442 | 111 | 700.000 | 700.000 | |
| | | | ... | | | | |
| | | | Cộng số phát sinh trong kỳ | | 3.500.000 | | |

- Hiệu quả mang lại do thực hiện giải pháp : Nếu Công ty mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu, chi phí cho từng mặt hàng, từng đối tượng cụ thể sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi doanh thu , giá vốn và lợi nhuận gộp cho từng mặt hàng, đối tượng cụ thể giúp cho công ty thấy được tình hình tiêu thụ của từng sản phẩm. Từ đó, công ty sẽ đưa ra những quyết định xem nên mở rộng, thu hẹp hay ngừng kinh doanh mặt hàng nào của Công ty.

3.4.2 Kiến nghị 2: Ứng dụng công nghệ thông tin kế toán máy theo hình thức nhật ký chung

- Lý do kiến nghị : Hiện tại công ty cổ phần công nghiệp điện vẫn đang sử dụng Word và Excel trong công tác kế toán song nó vẫn chưa phải là phần mềm tối ưu của việc tìm kiếm quản lý dữ liệu, thực hiện phân hành kế toán của công ty mất rất nhiều thời gian và tốn nhiều nhân lực cho công việc phòng kế toán.

- Mục tiêu giải pháp : Tiết kiệm thời gian giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán tạo điều kiện cho việc thu thập , xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng kịp thời.

- Cách thức tiến hành giải pháp : Công ty nên mua một số phần mềm kế toán hiệu quả hiện đang có mặt trên thị trường như : MISA, Vacom, Fast...

- ✓ Phần mềm kế toán Misa: Là giải pháp linh hoạt cho doanh nghiệp vừa và nhỏ và được áp dụng trong các trường hợp sau:
 - Phần mềm kế toán Misa có ưu điểm là dễ sử dụng bởi giao diện trực quan và thân thiện với người dùng, những người mới bắt đầu sử dụng phần mềm cũng sẽ thấy thoải mái, không nhức mắt, cho phép cập nhật dữ liệu nhiều hóa đơn một phiếu chi một cách linh hoạt, các mẫu giấy tờ chứng từ tuân theo quy định ban hành.
 - Về điểm nổi trội của Misa là chức năng lưu và ghi sổ dữ liệu khá quan trọng, và công nghệ bảo mật dữ liệu cao vì phần mềm Misa chạy trên cơ sở dữ liệu SQL và tính chính xác trong việc xử lý số liệu tính toán cũng rất chính xác.
- ⇒ Dưới đây là giao diện phần mềm kế toán MISA.MSE.2017



➢ Phần mềm kế toán Fast: Là giải pháp cho lợi hình doanh nghiệp có quy mô từ nhỏ đến lớn điển hình là các doanh nghiệp lớn phải cần báo cáo về việc quản lý, hay các doanh nghiệp xây dựng sản xuất thì nên dùng phần mềm fast.

○ Và chắc chắn fast cũng sẽ có nhiều ưu điểm như: Giao diện cũng rất dễ làm việc, luôn cập nhật những thay đổi mới nhất về các chính sách điều khoản thuế, thông tư và các nghị định của Bộ tài chính, bám sát các chế độ kế toán hiện hành, và xử lý số liệu một cách nhanh chóng, cho phép kết xuất báo cáo ra Excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp.

Dưới đây là giao diện phần mềm kế toán Fast Accounting



➤ Phần mềm kế toán LinkQ: Là phần mềm được xây dựng trên công cụ lập trình tiên tiến C#.NET, cơ sở dữ liệu SQL Server thích hợp trên Font chuẩn Unicode.

- Mô hình dữ liệu cho phép tập hợp và quản lý theo sơ đồ tổng công ty – Công ty thành viên – Chi nhánh.

- Tính linh động, dễ chỉnh sửa: Cho phép người dùng khai báo thêm các trường thông tin để dễ theo dõi.

- Theo dõi và hạch toán song song nhiều loại tiền tệ.

- Cho phép làm việc trên nhiều cửa sổ trong cùng một thời điểm, di chuyển nhanh đến danh mục hay chứng từ trên nhiều phân hệ khác.

- Giao diện và báo cáo tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Hoa và các ngôn ngữ khác do người dùng tự định nghĩa.

- Kết xuất dữ liệu ra bộ Office dễ dàng, kết xuất trực tiếp ra HTTK, iHTKK, TaxOnline.

- Thích hợp trên hệ điều hành như: Winxp, Vista, Win7.

- Có thể kết nối dữ liệu từ xa (trường hợp bán hàng có showroom, chi nhánh, công ty con,...)

Dưới đây là giao diện phần mềm kế toán LinkQ



* Với quy mô của Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng như hiện nay thì nên sử dụng Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017 – đây là phần mềm kế toán mới được nâng cấp với nhiều tính năng tiện dụng hơn so với phần mềm kế toán cũ.

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với MISA SME.NET 2017 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet.

- Cập nhật chế độ tài chính mới nhất.
- Đáp ứng 4 phương pháp tính giá thành cho doanh nghiệp sản xuất:
Giản đơn, Hệ số, Tỷ lệ, Phân bước liên tục.
- Xuất khẩu báo cáo thuế theo định dạng XML, kê khai thuế qua mạng trực tiếp qua MTAX.VN.
- Lập kế hoạch thu hồi công nợ, phân tích hiệu quả chiến dịch thu nợ, quản trị công nợ theo loại, hạn nợ.
- Bổ sung phân hệ Thủ quỹ, Thủ kho giúp tiết kiệm 90% thời gian, công sức cho thủ quỹ, thủ kho.
- Dự báo dòng tiền trong tương lai giúp doanh nghiệp tối ưu vòng quay vốn.

Tăng tốc độ xử lý dữ liệu, xem sổ sách, báo cáo và nhập liệu nhanh gấp 3 lần.

3.4.3 Kiến nghị 3: Hoàn thiện công tác tổ chức bộ máy kế toán

Thứ nhất, là một doanh nghiệp kinh doanh thương mại lớn nên khối lượng công việc kế toán của Công ty không hề nhỏ, vì vậy Công ty cần phân công công việc hợp lý cho từng kế toán viên. Mặt khác, cần bố trí và tuyển thêm nhân viên kế toán thích hợp cho một số phần hành kế toán có khối lượng công việc quá lớn do một kế toán viên kiêm nhiệm quá nhiều phần hành.

Cụ thể, đối với vị trí phó phòng kế toán sẽ chỉ chuyên về kế toán tổng hợp. Còn vị trí kế toán công nợ sẽ đảm nhiệm quản lý cả về công nợ phải thu thay cho việc chỉ đảm nhận mỗi công nợ phải trả như trước kia. Thủ quỹ ngoài việc chuyên về các giao dịch ngân hàng thì sẽ chịu trách nhiệm về mảng kế toán kho.

Thứ hai, công ty cần tổ chức tốt việc kiểm tra kế toán bằng cách thành lập bộ máy kiểm soát nội bộ, đồng thời nhân viên kế toán phải nắm chắc chuyên môn nghiệp vụ, chấp hành nghiêm chỉnh quy trình hạch toán kế toán đối với chứng từ, sổ sách theo quy định của pháp luật, điều lệ và quy định của công ty.

3.4.4 Kiến nghị 4: Thay đổi phương pháp hạch toán giá vốn

Do đặc điểm các loại hàng hóa, sản phẩm của Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng có số lần nhập và xuất trong kì khá ít, có tính luân chuyển nhanh. Có nhiều những loại hàng hóa thậm chí chỉ nhập và xuất tần suất tương đối thấp khoảng một hoặc hai lần trong kì. Vì vậy, việc áp dụng tính giá vốn theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì như vậy chưa thực sự hợp lý và phù hợp. Mặc dù, phương pháp này có ưu điểm là khá đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kì. Tuy nhiên, việc tính toán phức tạp dồn hết vào cuối kì ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác. Hơn nữa, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm nghiệp vụ phát sinh. Chính vì thế, doanh nghiệp có thể xem xét thay đổi bằng phương pháp khác phù hợp hơn, ví dụ như phương pháp FIFO. Với phương pháp này, giá trị hàng tồn kho cuối kì chính là giá trị hàng mua vào sau cùng. Phương pháp này thích hợp với điều kiện hàng tồn kho luân chuyển nhanh, khá phù hợp với các sản phẩm, hàng hóa nhập và xuất tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng. Phương pháp này nói chung cung cấp một sự ước tính hợp lý về giá trị hàng tồn kho cuối kì trên BCĐKT. Chúng ta có thể tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy, chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

3.5 Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng

3.5.1 Về phía Nhà nước

- Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp để doanh nghiệp hoàn thiện và phát triển tổ chức kế toán.
- Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng có tính bắt buộc cao.

3.5.2 Về doanh nghiệp

- Ban lãnh đạo công ty phải kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ công tác kế toán . Bên cạnh đó đội ngũ cán bộ kế toán phải là người có trách nhiệm , có đạo đức nghề nghiệp.
- Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị, máy móc khoa học công nghệ phục vụ công tác kế toán
- Tổ chức công tác kế toán tài chính phải tuân thủ các quy định của pháp luật phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp.
- Phân công trách nhiệm giữa các cán bộ nhân viên kế toán một cách hợp lý , đồng thời xác định mối quan hệ giữa các kế toán cùng phần hành và giữa các phần hành với nhau trong việc sử dụng chứng từ , hoàn chuyển chứng từ cung cấp số liệu đối chiếu kiểm tra.
- Doanh nghiệp cần tạo lập mối quan hệ bền vững với khách hàng đây là yếu tố quyết định việc bình ổn doanh thu của doanh nghiệp .

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vị trí vô cùng quan trọng trong công tác kế toán của doanh nghiệp. Việc xác định đúng doanh thu và chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty.

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng em đã áp dụng cơ sở lý luận được học ở trường vào thực tiễn sản xuất kinh doanh tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng.

Bài viết đưa ra được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng như:

- Kiến nghị về việc hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí kết quả kinh doanh
- Kiến nghị áp dụng về phần mềm kế toán.
- Kiến nghị trích các khoản theo lương cho người lao động căn cứ trích dựa theo lương đã ký trên hợp đồng.

Với sự cố gắng của bản thân cùng với sự hướng dẫn tận tình của Ths. Phạm Thị Nga và của ban lãnh đạo các phòng ban trong Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng em đã hoàn thành đề tài này. Tuy vậy do hiểu biết về kế toán của em còn hạn chế nên không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy em rất mong nhận được sự đóng góp và giúp đỡ của các quý thầy cô cùng cán bộ phòng kế toán của Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của cô giáo Ths. Phạm Thị Nga và phòng kế toán tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài Chính (Năm 2015), Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) – Hệ thống tài khoản kế toán, NXB Giao thông vận tải.
2. Bộ Tài Chính (Năm 2015), Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) – Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ sách kế toán, sơ đồ kế toán, NXB Giao thông vận tải.
3. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2006), *Kế toán tài chính*, NXB Thống kê.
4. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2011), *Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội.